

BẢO HIỂM XÃ HỘI - TP. ĐÀ NẴNG Số: 24/QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2016

Số: 110

Ngày: 09/3/16

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin
Giám định Bảo hiểm y tế phiên bản 1.0**

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về chính phủ điện tử;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 8933/VPCP-KGVX ngày 29/10/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện tin học hoá trong khám chữa bệnh BHYT; chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại Thông báo số 102/TB-VPCP ngày 27/03/2015, Thông báo số 205/TB-VPCP ngày 23/06/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc tin học hoá trong bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 3582/QĐ-BHXH ngày 26/12/2006 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định về quản lý hoạt động công nghệ thông tin trong hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành Bảo hiểm xã hội, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế phiên bản 1.0 (có tài liệu hướng dẫn liên thông và đặc tả dữ liệu kèm theo).

Điều 2. Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế phiên bản 1.0 thuộc bản quyền của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, là một phần mềm trong hệ thống phần mềm ứng dụng của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành.

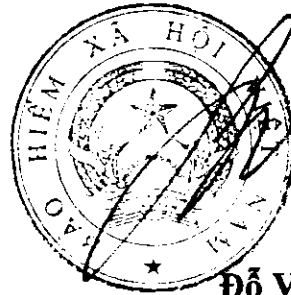
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Trưởng Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế, Giám đốc Ban Quản

lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành Bảo hiểm xã hội, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng CP Vũ Văn Ninh (để b/c);
- Phó Thủ tướng CP Vũ Đức Đam (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Y tế, Bộ Tài chính (để p/h);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- BHXH Bộ Quốc phòng;
- BHXH Bộ Công an;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Lưu VT, CNTT, DABTXD (5b). *nh*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Văn Sinh

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM



TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN LIÊN THÔNG VÀ ĐẶC TẢ DỮ LIỆU HỆ THỐNG THÔNG TIN GIÁM ĐỊNH BẢO HIỂM Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số: 324/QĐ-BHXH ngày 02/ 3 /2016 Ban hành Công tiếp
nhận dữ liệu Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế phiên bản 1.0)

Phiên bản tài liệu: 1.0.0

Mục lục

I. Giới thiệu	6
1. Giới thiệu chung	6
2. Quy định về định dạng dữ liệu	6
3. Mô hình tổng thể kết nối hệ thống.....	7
II. Các hình thức liên thông dữ liệu.....	8
1. Kết nối Web Service thông qua cổng tiếp nhận	8
1.1. Hàm lấy phiên làm việc.....	8
1.2. Hàm gửi hồ sơ giám định	9
1.3. Hàm gửi hồ sơ tổng hợp báo cáo hàng tháng/quý (79a, 80a; 19,20,21/BHYT).....	11
1.4. Hàm kiểm tra thông tin thẻ	12
1.5. Hàm kiểm tra lịch sử khám chữa bệnh.....	15
1.6. Hàm gửi hồ sơ chuyển tuyến	16
1.7. Hàm nhận hồ sơ chuyển tuyến.....	18
2. Nhập hồ sơ trực tiếp trên cổng liên thông dữ liệu	19
2.1. Đăng nhập vào hệ thống.....	19
2.2. Nhập dữ liệu.....	20
3. Tải hồ sơ lên cổng tiếp nhận.....	21
3.1. Đăng nhập vào hệ thống.....	21
3.2. Tải hồ sơ khám chữa bệnh lên hệ thống.....	21
3.3. Tải báo cáo tổng hợp tháng/quý lên hệ thống.....	22
3.4. Kiểm tra kết quả và gửi yêu cầu thanh toán	23
4. Chương trình đồng bộ dữ liệu	23
4.1. Chuẩn bị dữ liệu	23
4.2. Cấu hình đồng bộ	24
4.3. Đồng bộ Hồ sơ khám chữa bệnh.....	25
4.4. Cấu trúc file XML.....	25
5. Kiểm tra và sử dụng dữ liệu liên thông trên hệ thống giám định	25
5.1. Kiểm tra lịch sử khám chữa bệnh liên tuyến	25
5.2. Kiểm tra Kết quả giám định.....	26
5.3. Danh sách Hồ sơ Khám chữa bệnh đã gửi	26
6. Quản lý giấy chuyển tuyến.....	27
6.1. Quản lý giấy chuyển tuyến đi	27

6.2. Quản lý giấy chuyển tuyến.....	27
III. Chuẩn dữ liệu.....	28
1. Hồ sơ khám chữa bệnh.....	28
1.1. Quy ước biểu diễn dữ liệu và đặt namespace	28
1.2. Thông tin đơn vị.....	28
1.3. Thông tin hồ sơ	29
1.4. Thông tin chữ ký điện tử	30
1.5. Mô tả các file hồ sơ.....	30
1.6. Cấu thành file hồ sơ.....	31
2. Hồ sơ báo cáo tổng hợp 79a, 80a.....	32
3. Hồ sơ báo cáo tổng hợp mẫu 19/BHYT, 20/BHYT, 21/BHYT	32
4. Giấy chuyển tuyến	32
4.1. Mô tả các thẻ tổng hợp chính.....	32
4.2. Thông tin người bệnh	35
4.3. Thông tin thẻ bảo hiểm y tế	36
4.4. Tóm tắt lịch sử khám chữa bệnh	37
4.5. Tóm tắt bệnh án	38
4.6. File đính kèm	39
IV. Mô tả định dạng các file đính kèm hồ sơ.....	40
1. File tổng quát chứa thông tin hồ sơ KCB.....	40
2. File hồ sơ tổng hợp thông tin bệnh nhân (XML1).....	41
3. File hồ sơ chi tiết Thuốc (XML2).....	44
4. File hồ sơ chi tiết DVKT (XML3).....	46
5. File hồ sơ cận lâm sàng (XML4).....	47
6. File hồ sơ chi tiết diễn biến (XML5)	48
7. File hồ sơ danh mục thuốc tỉnh gửi.....	49
8. File hồ sơ danh mục VTYT tỉnh gửi.....	50
9. File hồ sơ danh mục DVKT tỉnh gửi	50
10. File hồ sơ danh mục thuốc CSKCB gửi.....	50
11. File hồ sơ danh mục VTYT CSKCB gửi	51
12. File hồ sơ danh mục DVKT CSKCB gửi.....	51
13. File hồ sơ 79a, 80a	51
14. File hồ sơ 19/BHYT.....	53

15. File hồ sơ 20/BHYT.....	54
16. File hồ sơ 21/BHYT.....	54
Phụ lục 1: Danh mục hồ sơ	55
Phụ lục 2: Danh mục lỗi.....	56
Phụ lục 3: Code mẫu cho Webservice	57
1. Ví dụ lấy phiên làm việc	57
2. Ví dụ gửi hồ sơ giám định.....	57
3. Ví dụ gửi hồ sơ tổng hợp báo cáo tháng	57
4. Ví dụ kiểm tra thông tin thẻ.....	57
Phụ lục 4: Mô tả đối tượng trả về của Web Service	58

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Thuật ngữ	Ý nghĩa	Ghi chú
GW	Gateway: Cổng tiếp nhận hồ sơ	
BHXH	Bảo hiểm xã hội	
CSKCB	Cơ sở khám chữa bệnh	
GD	Giám định	
HS	Hồ sơ	
TP	Thành phố	
HTTP	The Hypertext Transfer Protocol	
XML	Extensible Markup Language	
VTYT	Vật tư y tế	
DVKT	Dịch vụ kỹ thuật	
KCB	Khám chữa bệnh	
BHYT	Bảo hiểm y tế	

I. Giới thiệu

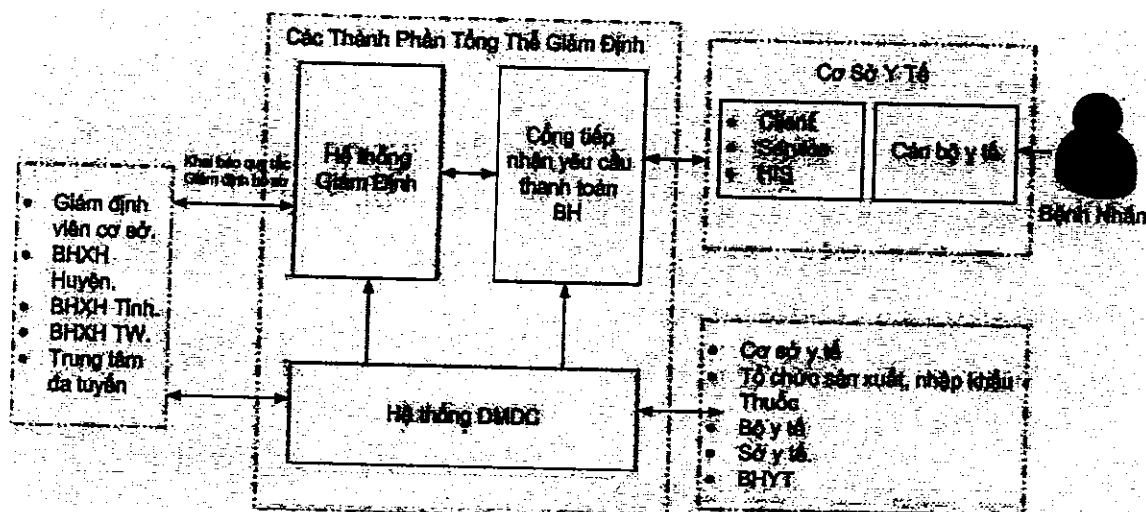
1. Giới thiệu chung

Tài liệu hướng dẫn liên thông và đặc tả dữ liệu Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế (sau đây gọi tắt là Tài liệu hướng dẫn) là tài liệu mô tả chuẩn liên thông dữ liệu từ cơ sở khám chữa bệnh và cơ quan BHXH cấp tỉnh đến Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; hướng dẫn cơ sở khám chữa bệnh và cơ quan BHXH cấp tỉnh cách thức liên thông dữ liệu đã được chuẩn hoá tới Hệ thống thông tin Giám định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Quy định về định dạng dữ liệu

- Quy định về số nguyên: dùng dấu chấm “.” để phân cách hàng nghìn. Ví dụ: 12.345
 - Quy định về số thập phân:
 - o Dùng dấu phẩy “,” để phân cách hàng đơn vị và phần thập phân. Ví dụ: 12.345,67
 - o Làm tròn theo quy tắc làm tròn số toán học
 - Quy định về số âm: dấu () dùng để biểu diễn số âm trong dữ liệu form tờ khai. Ví dụ: số -12.345 chuyển sang định dạng là (12.345).
 - Các trường dữ liệu không được chứa dấu “” .
 - Quy định mô tả kiểu dữ liệu:
 - o a: là kiểu chuỗi
 - o n: là kiểu số
- vd: an..10: là kiểu dữ liệu bao gồm chuỗi hoặc số có độ dài tối đa 10 ký tự
vd: n..2: Là kiểu dữ liệu số có độ dài tối đa là 2 chữ số
vd: n..2,3: Là kiểu dữ liệu số có độ dài là tối đa 2 chữ số và tối đa là 3 chữ số thập phân

3. Mô hình tổng thể kết nối hệ thống



Hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế bao gồm:

- Hệ thống Tiếp nhận yêu cầu thanh toán BHYT
- Hệ thống Giám định BHYT
- Hệ thống Danh mục dùng chung

II. Các hình thức liên thông dữ liệu

Hệ thống thông tin Giám định BHYT hiện tại cung cấp 4 hình thức tiếp nhận hồ sơ:

- Kết nối Web Service thông qua cổng tiếp nhận: Hình thức này hỗ trợ gửi hồ sơ khám chữa bệnh, hồ sơ giám định danh mục, gửi báo cáo tháng, kiểm tra thông tin thẻ, kiểm tra lịch sử khám chữa bệnh, tiếp nhận giấy chuyển tuyến từ CSKCB khác.
- Tải file XML lên cổng tiếp nhận: Hình thức này hỗ trợ tải trực tiếp lên hồ sơ khám chữa bệnh, hồ sơ giám định danh mục, gửi báo cáo tháng lên hệ thống.
- Đồng bộ dữ liệu từ phần mềm client: Hình thức này hỗ trợ đồng bộ hồ sơ khám chữa bệnh lên hệ thống.
- Nhập hồ sơ trực tiếp trên cổng tiếp nhận: Hình thức này cho phép hỗ trợ nhập thông tin hồ sơ khám chữa bệnh.

Ngoài ra, hệ thống liên thông dữ liệu còn cung cấp công cụ kiểm tra thông tin thẻ BHYT và tra cứu lịch sử KCB (phục vụ quản lý thông tuyến KCB), kiểm tra giấy chuyển tuyến giữa các CSKCB.

1. Kết nối Web Service thông qua cổng tiếp nhận

Hệ thống sử dụng chuẩn kết nối là Web Service định dạng JSON.

1.1. Hàm lấy phiên làm việc

1.1.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/token/take
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Form data	Đối tượng "ApiToken" bao gồm { "username": { username }, "password": { password } }

BHXH tỉnh/cơ sở khám chữa bệnh thực hiện gửi yêu cầu cấp phiên làm việc lên hệ thống tiếp nhận hồ sơ. Hệ thống sẽ trả về Token tương ứng với phiên làm việc.

1.1.2. Thông điệp yêu cầu

Đầu vào (Input)	Tên trường	Loại dữ liệu	Mô tả
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự	Tên đăng nhập vào hệ thống, do BHXH VN cung cấp, trường bắt buộc
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự	Mật khẩu đã chuyển qua MD5 đăng nhập vào hệ thống, do BHXH VN cung cấp, trường bắt buộc

1.1.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó:

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: Trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường hợp lỗi	
Header status	400

- Trường hợp thành công: Hệ thống trả về:

Trường hợp thành công	
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + access_token : Token được sử dụng cho bước 2 + id_token : Mã client ID để sử dụng cho bước 2 + expires_in : Thời gian hết hạn của của token (giờ GMT), sau thời gian này thì token của lần đăng nhập sẽ không được xác thực. Cần phải đăng nhập lại để lấy token mới + token_type : bear

1.2. Hàm gửi hồ sơ giám định**1.2.1. Mô tả**

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/guiHoSoGiamDinh
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json

Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&loaiHoSo={loaiHoSo}&maTinh={maTinh}&maCSKCB={maCSKCB} (Tham khảo mục 1.2.2)
Form data	“fileHS” : {fileHS} (Tham khảo mục 1.2.2)

Cơ sở khám chữa bệnh thực hiện gửi hồ sơ giám định và nhận thông báo xác nhận kết quả nhận hồ sơ giám định của cơ quan Bảo hiểm qua hệ thống.

1.2.2. Thông điệp yêu cầu

Mã thông điệp	Tên thông điệp	Loại dữ liệu	Mô tả
Dữ liệu hồ sơ	fileHS	Bytes	Dạng bytes của File XML, Trường bắt buộc
Loại hồ sơ	loaiHoSo	Int	Loại hồ sơ: 1: DMT, 2: DMC, 3: KCB
Mã Tỉnh	maTinh	Chuỗi ký tự	Quy định 5084
Mã CSKCB	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Quy định 5084
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.2.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: Trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Header status	Mô tả
Header status:400	BadRequest: Dữ liệu nhập vào không đúng cú pháp InvalidInputData: Dữ liệu nhập vào đúng cú pháp nhưng không đúng định dạng và quy định nghiệp vụ.
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- Trường hợp thành công: Hệ thống trả về:

Header	
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + moTaKetQua: Mô tả tương ứng với mã + maGDich: Mã của lần giao dịch cho việc tìm kiếm thông tin sau này

1.3. Hàm gửi hồ sơ tổng hợp báo cáo hàng tháng/quý (79a, 80a; 19,20,21/BHYT)

1.3.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/tnhs_thangquy
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&loaiHoSo={loaiHoSo}&maTinh={maTinh}&maCSKCB={maCSKCB} (Tham khảo mục 1.3.2)
Form data	“fileHS” : {fileHS} (Tham khảo mục 1.3.2)

Cơ sở khám chữa bệnh thực hiện gửi hồ sơ báo cáo tháng và nhận thông báo xác nhận kết quả nhận hồ sơ báo cáo của cơ quan Bảo hiểm qua hệ thống.

1.3.2. Thông điệp yêu cầu

Tên trường	Loại dữ liệu	Đơn vị	Giá trị
Dữ liệu hồ sơ	fileHS	Bytes	Dạng bytes của File excel, Trường bắt buộc
Loại hồ sơ	loaiHoSo	Chuỗi ký tự	Loại hồ sơ: Hồ sơ 79a: 4, Hồ sơ 80a: 5, Mẫu 19/BHYT: 6, Mẫu 20/BHYT: 7, Mẫu 21/BHYT: 8
Mã Tỉnh	maTinh	Chuỗi ký tự	Quy định 5084
Mã CSKCB	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Quy định 5084
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.3.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: Trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Header status	Thông điệp
Header status:400	BadRequest: Dữ liệu nhập vào không đúng cú pháp InvalidInputData: Dữ liệu nhập vào đúng cú pháp nhưng không đúng định dạng và quy định nghiệp vụ.
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- Trường hợp thành công: Hệ thống trả về:

Header status	Thông điệp
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + moTaKetQua: Mô tả tương ứng với mã + maGDich: Mã của lần giao dịch cho việc tìm kiếm thông tin sau này

1.4. Hàm kiểm tra thông tin thẻ**1.4.1. Mô tả**

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/ktMathe
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password} (Tham khảo mục 1.4.2)
Form data	Đối tượng bao gồm { "ma_the": { ma_the }, "ho_ten": { ho_ten }, "ngay_sinh": { ngay_sinh }, "gioi_tinh": { gioi_tinh }, "maCSKCB": { maCSKCB }, "ngay_bd": { ngay_bd }, "ngay_kt": { ngay_kt } }

	} (Tham khảo mục 1.4.2)
--	----------------------------

Cơ sở khám chữa bệnh kiểm tra tính đúng đắn của thông tin thẻ của bệnh nhân.

1.4.2. Thông điệp yêu cầu

Tên trường	Tên/Field	Loại dữ liệu	Mô tả
Mã thẻ	ma_the	Chuỗi ký tự	Mã thẻ
Họ tên	ho_ten	Chuỗi ký tự	Họ tên chủ thẻ
Ngày sinh	ngay_sinh	Chuỗi ký tự	Ngày sinh (DD/MM/YYYY)
Giới tính	gioi_tinh	Số	1: Nam ; 2: Nữ
Ngày bắt đầu	ngay_bd	Chuỗi ký tự	Ngày bắt đầu hạn thẻ (DD/MM/YYYY)
Ngày kết thúc	ngay_kt	Chuỗi ký tự	Ngày kết thúc hạn thẻ (DD/MM/YYYY)
Mã CSKCB	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB ban đầu
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.4.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: Trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Header status	Mô tả
Header status:400	BadFormat: Dữ liệu nhập vào không đúng cú pháp InvalidInputData: Dữ liệu nhập vào đúng cú pháp nhưng không đúng định dạng và quy định nghiệp vụ.
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- Trường hợp thành công: Hệ thống trả về:

Header	Value
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	<p>Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + chi_tiet: object bao gồm (= null nếu thông tin thẻ chính xác) <pre>{ "thoi_han": { thoi_han }, "ho_ten": { ho_ten }, "ngay_sinh": { ngay_sinh }, "gioi_tinh": { gioi_tinh }, "ma_cskcb": { ma_cskcb } }</pre> <p>(Tham khảo mục 1.4.3.2)</p>

1.4.3.1. Mô tả kết quả trả về:

Mã	Mô tả
00	Thông tin thẻ chính xác
01	Thẻ hết giá trị sử dụng
02	KCB khi chưa đến hạn
03	Hết hạn thẻ khi chưa ra viện
04	Thẻ có giá trị khi đang nằm viện
05	Mã thẻ không có trong dữ liệu thẻ
06	Thẻ sai họ tên
07	Thẻ sai ngày sinh
08	Thẻ sai giới tính
09	Thẻ sai nơi đăng ký KCB ban đầu

1.4.3.2. Mô tả chi tiết trả về:

Trường dữ liệu	Tên Trường	Biểu diễn trên	Giá trị trả về
Thời hạn	thoi_han	Chuỗi ký tự	Thời hạn sử dụng thẻ (DD/MM/YYYY – DD/MM/YYYY)
Họ tên	ho_ten	Chuỗi ký tự	Họ tên chủ thẻ
Ngày sinh	ngay_sinh	Chuỗi ký tự	Ngày sinh (DD/MM/YYYY)
Giới tính	gioi_tinh	Số	1: Nam ; 2: Nữ
Mã CSKCB	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB ban đầu

1.5. Hàm kiểm tra lịch sử khám chữa bệnh

1.5.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/layLichsuKCB
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password}&tungay={tungay}&denngay={denngay} (Tham khảo mục 1.5.2)
Form data	Đối tượng bao gồm { "ma_the": { ma_the }, "ho_ten": { ho_ten }, "ngay_sinh": { ngay_sinh }, "gioi_tinh": { gioi_tinh }, "maCSKCB": { maCSKCB }, "ngay_bd": { ngay_bd }, "ngay_kt": { ngay_kt } } (Tham khảo mục 1.5.2)

1.5.2. Thông điệp yêu cầu

Tên trường	Biểu diễn	Loại dữ liệu	Mô tả
Mã thẻ	ma_the	Chuỗi ký tự	Mã thẻ
Họ tên	ho_ten	Chuỗi ký tự	Họ tên chủ thẻ
Ngày sinh	ngay_sinh	Chuỗi ký tự	Ngày sinh (DD/MM/YYYY)
Giới tính	gioi_tinh	Số	1: Nam ; 2: Nữ
Ngày bắt đầu	ngay_bd	Chuỗi ký tự	Ngày bắt đầu hạn thẻ (DD/MM/YYYY)
Ngày kết thúc	ngay_kt	Chuỗi ký tự	Ngày kết thúc hạn thẻ (DD/MM/YYYY)
Mã CSKCB	maCSKCB	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB ban đầu
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.5.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8

- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: Trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Header status	Message
Header status:400	BadFormat: Dữ liệu nhập vào không đúng cú pháp InvalidInputData: Dữ liệu nhập vào đúng cú pháp nhưng không đúng định dạng và quy định nghiệp vụ.
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- Trường hợp thành công: Hệ thống trả về:

Header status	Message
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + moTaKetQua: Mô tả tương ứng với mã + chi_tiet: Danh sách hồ sơ KCB của bệnh nhân là 1 mảng đối tượng (Tham khảo Phụ lục 4 - “Đối tượng hồ sơ bệnh nhân”)

1.6. Hàm gửi hồ sơ chuyển tuyến

1.6.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/guiHSCT
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password} (Tham khảo mục 1.6.2)
Form data	Đối tượng bao gồm { “ma_the”: { ma_the }, “ho_ten”: { ho_ten }, “ngay_sinh”: { ngay_sinh }, “gioi_tinh”: { gioi_tinh }, “cskcb_di”: { cskcb_di }, “cskcb_den”: { cskcb_den }, “fileHS” : {fileHS} } (Tham khảo mục 1.6.2)

1.6.2. Thông điệp yêu cầu

Dữ liệu đầu vào	Trường	Loại dữ liệu	Giá trị
Dữ liệu hồ sơ	fileHS	Bytes	Dạng bytes của File XML, Trường bắt buộc
Mã thẻ	ma_the	Chuỗi ký tự	Mã thẻ bệnh nhân
Họ tên	ho_ten	Chuỗi ký tự	Họ tên bệnh nhân
Ngày sinh	ngay_sinh	Chuỗi ký tự	Ngày sinh (DD/MM/YYYY)
Giới tính	gioi_tinh	Số	1: Nam ; 2: Nữ
Mã CSKCB đi	cskcb_di	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB chuyển đi (Quy định 5084)
Mã CSKCB đến	cskcb_den	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB chuyển đến (Quy định 5084)
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.6.3. Thông điệp trả lời**Cấu trúc:**

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trường	Giá trị
Header status:400	BadRequest: Dữ liệu nhập vào không đúng cú pháp InvalidInputData: Dữ liệu nhập vào đúng cú pháp nhưng không đúng định dạng và quy định nghiệp vụ.
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- Trường hợp thành công: Hệ thống trả về:

Trường	Giá trị
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:

	<ul style="list-style-type: none"> + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + moTaKetQua: Mô tả tương ứng với mã + maGDich: Mã của lần giao dịch cho việc tìm kiếm thông tin sau này
--	--

1.7. Hàm nhận hồ sơ chuyển tuyến

1.7.1. Mô tả

Request URL	HMAC http://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/egw/nhanHSCT
Request Method	POST
Request Header	Content-Type: application/json
Query Parameters	token={token}&id_token={id_token}&username={username}&password={password} (Tham khảo mục 1.7.2)
Form data	Đối tượng bao gồm <pre>{ "ma_the": { ma_the }, "ho_ten": { ho_ten }, "ngay_sinh": { ngay_sinh }, "gioi_tinh": { gioi_tinh }, "cskcb_di": { cskcb_di }, "cskcb_den": { cskcb_den } }</pre> (Tham khảo mục 1.7.2)

1.7.2. Thông điệp yêu cầu

Đặc tính	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Giá trị
Mã thẻ	ma_the	Chuỗi ký tự	Mã thẻ bệnh nhân
Họ tên	ho_ten	Chuỗi ký tự	Họ tên bệnh nhân
Ngày sinh	ngay_sinh	Chuỗi ký tự	Ngày sinh (DD/MM/YYYY)
Giới tính	gioi_tinh	Số	1: Nam ; 2: Nữ
Mã CSKCB đi	cskcb_di	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB chuyển đi (Quy định 5084)
Mã CSKCB đến	cskcb_den	Chuỗi ký tự	Mã CSKCB chuyển đến (Quy định 5084)
Tên đăng nhập	username	Chuỗi ký tự (an 5)	Tài khoản đăng nhập
Mật khẩu	password	Chuỗi ký tự (an 6..10)	Mật khẩu đăng nhập
Token	token	Chuỗi ký tự	Token được trả về từ trước
TokenID	id_token	Chuỗi ký tự	Token ID được trả về ở hàm trước

1.7.3. Thông điệp trả lời

Cấu trúc:

- Header status:
- Header Content-Type:application/json;charset=UTF-8
- Json data

Trong đó

- Có hai khả năng đối với thông điệp trả lời: trường hợp có lỗi trong quá trình xử lý hoặc trường hợp xử lý thành công.
- Trường hợp lỗi: Xem danh mục lỗi sẽ được gửi trả lại.

Trạng thái	Kết quả
Header status:400	BadRequest: Dữ liệu nhập vào không đúng cú pháp InvalidInputData: Dữ liệu nhập vào đúng cú pháp nhưng không đúng định dạng và quy định nghiệp vụ.
Header status:401	Unauthorized: Lỗi không được xác thực
Header status:500	An unexpected error occurred

- Trường hợp thành công: Hệ thống trả về:

Trạng thái	Kết quả
Header status	200
Header Content-Type	application/json;charset=UTF-8
Json data	Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau: + maKetQua: Trả về mã kết quả giao dịch (Thành công, lỗi) + moTaKetQua: Mô tả tương ứng với mã + chi_tiet: Base64String của file xml

2. Nhập hồ sơ trực tiếp trên cổng liên thông dữ liệu**2.1. Đăng nhập vào hệ thống**

Người dùng truy cập vào địa chỉ: <http://gdbhvt.baohiemxahoi.gov.vn>

Bước 3: Nhập thông tin VTYT

Bước 4: Nhập thông tin DVKT

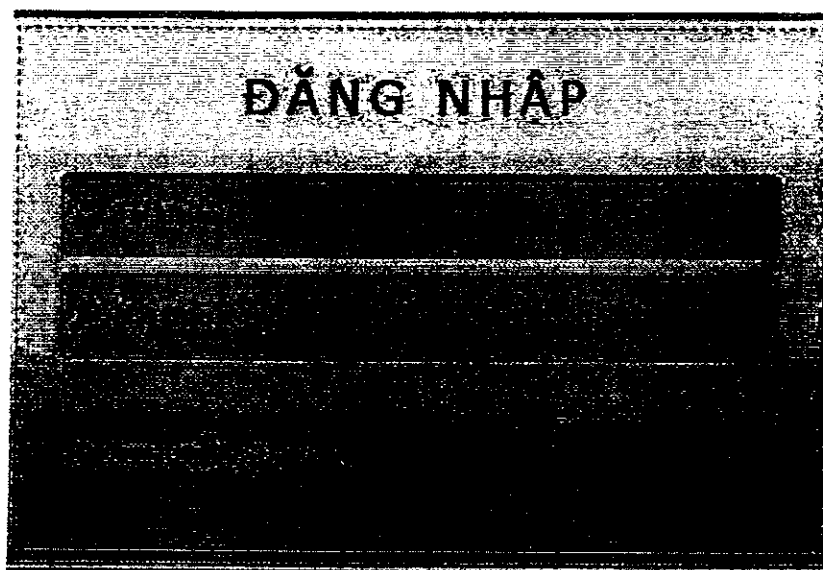
Bước 5: Lựa chọn « Cập nhật » để lưu dữ liệu

3. Tải hồ sơ lên cổng tiếp nhận

Cơ sở KCB chưa liên thông được với hệ thống tiếp nhận bằng Webservice có thể sử dụng tài khoản và mật khẩu do BHXH VN cung cấp để đăng nhập hệ thống và tải lên hồ sơ đã được chuẩn hóa.

3.1. Đăng nhập vào hệ thống

Người dùng truy cập vào địa chỉ: <http://gdbhyt.baohiemxahoi.gov.vn>



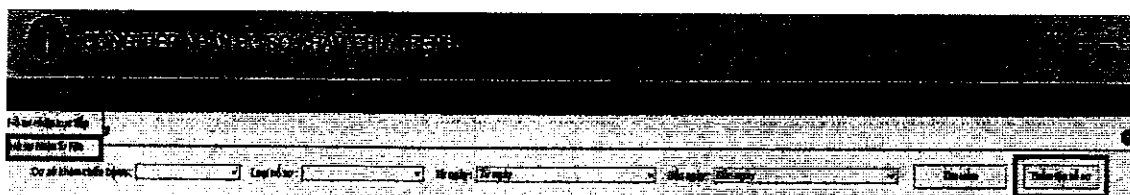
Bước 1: Nhập tài khoản và mật khẩu tương ứng người dùng được cấp.

Bước 2: Enter hoặc click vào đăng nhập để truy cập vào hệ thống.

3.2. Tải hồ sơ khám chữa bệnh lên hệ thống

Tải lên file XML theo định dạng được quy định ở Mục III và IV

Bước 1: Lựa chọn Hồ sơ nhận từ file



Bước 2: Thêm tệp hồ sơ

Bước 3: Lựa chọn cơ sở khám chữa bệnh

Bước 4: Lựa chọn loại hồ sơ: Khám chữa bệnh, Danh mục

Bước 5: Chọn file hồ sơ định dạng XML

Bước 6: Nhấn “Lưu file” để tải hồ sơ lên.

3.3. Tải báo cáo tổng hợp tháng/quý lên hệ thống

Tải lên file excel theo định dạng quy định ở mục IV.13,14,15,16

Bước 1: Click chuột phải vào Bảng thống kê, lựa chọn Thêm mới báo cáo tháng

Bước 2: Lựa chọn cơ sở khám chữa bệnh

Bước 3: Lựa chọn loại hồ sơ: báo cáo 79A, 80A, 19/BHYT, 20/BHYT, 21/BHYT

Bước 4: Chọn file hồ sơ định dạng excel

Bước 4: Nhấn “Lưu file” để tải hồ sơ lên.

3.4. Kiểm tra kết quả và gửi yêu cầu thanh toán

Danh sách của tất cả các Giao dịch:

STT	Mã hồ sơ khám chữa bệnh	Mã cơ sở khám chữa bệnh	Số hồ sơ khám chữa bệnh	Ngày gửi hồ sơ	Trạng thái	Hành động
1	Mới	Mới	Mới	Mới	Mới	Gửi
2	Mới	Mới	Mới	Mới	Mới	Gửi
3	Mới	Mới	Mới	Mới	Mới	Gửi

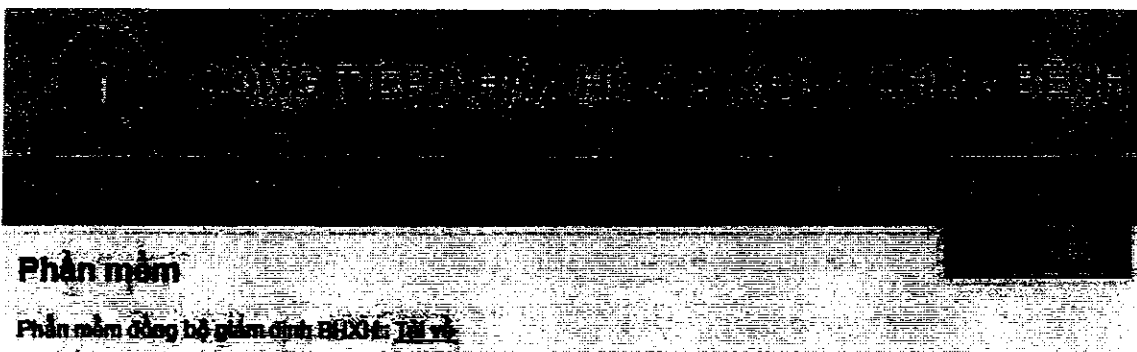
Bước 1: Tra cứu theo: Cơ sở khám chữa bệnh, Loại hồ sơ, ngày gửi hồ sơ

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ chưa gửi: trạng thái “Mới”

Bước 3: Click vào nút “Gửi” để yêu cầu thanh toán tiền khám chữa bệnh

4. Chương trình đồng bộ dữ liệu

Tải chương trình đồng bộ trên trang <http://gdbhyt.baohiemxahoi.gov.vn/>



Bước 1 : Vào phần Trợ giúp, Tải phần mềm

Bước 2 : Nhấn vào « Tải về » để tải phần mềm đồng bộ

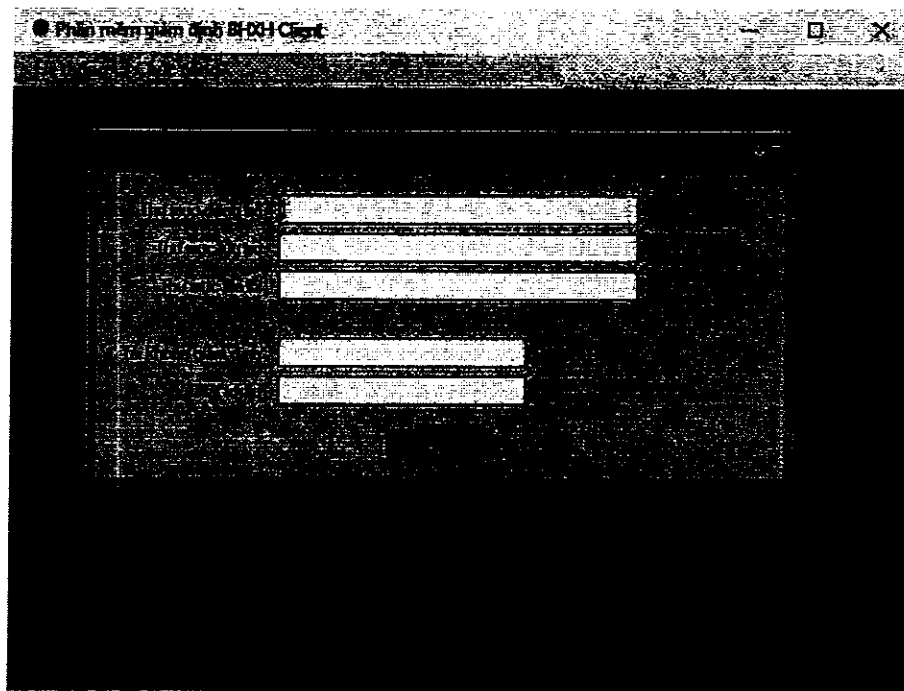
4.1. Chuẩn bị dữ liệu

Cơ sở khám chữa bệnh phải chuẩn bị các hồ sơ cần thiết để có thể đồng bộ lên hệ thống giám định của ngành.

Trong thời gian phần mềm của cơ sở KCB chưa tích hợp được lên công tiếp nhận thì cơ sở KCB chỉ cần xuất ra file XML có định dạng đúng như quy định ở phần IV và lưu vào 1 thư mục. Chương trình đồng bộ dữ liệu sẽ tự động quét thư mục để tải dữ liệu lên công tiếp nhận.

4.2. Cấu hình đồng bộ

Bật chương trình đồng bộ để thực hiện cấu hình.

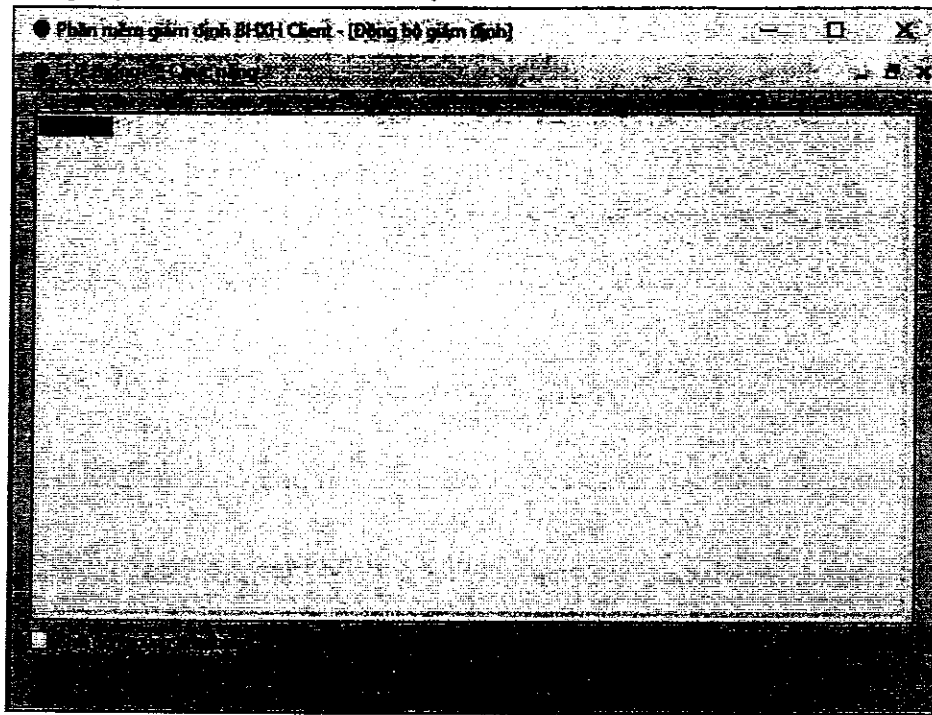


Có 3 thư mục cần cấu hình trước khi thực hiện đồng bộ :

- Thư mục đồng bộ : Chứa file xuất ra từ cơ sở KCB
- Thư mục lưu trữ : Chứa file đã đồng bộ lên hệ thống giám định
- Thư mục file lỗi : Chứa các file đồng bộ lỗi, hoặc lỗi cấu trúc, trong đó, lỗi sẽ được ghi chú ở dòng trên cùng của file xml.

Ngoài ra cơ sở KCB còn cần cấu hình « Tài khoản » và « Mật khẩu » (như BHXH VN cấp) để có thể đẩy dữ liệu lên hệ thống.

4.3. Đồng bộ Hồ sơ khám chữa bệnh



Chương trình sẽ tự động thực hiện chức năng đồng bộ.

4.4. Cấu trúc file XML

Theo đúng chuẩn dữ liệu được quy định tại phần IV.

5. Kiểm tra và sử dụng dữ liệu liên thông trên hệ thống giám định

Đây không phải là một hình thức liên thông dữ liệu lên hệ thống giám định, mà là công cụ hỗ trợ cơ sở KCB trong việc kiểm tra thông tin thẻ BHYT và tra cứu lịch sử KCB.

5.1. Kiểm tra lịch sử khám chữa bệnh liên tuyến

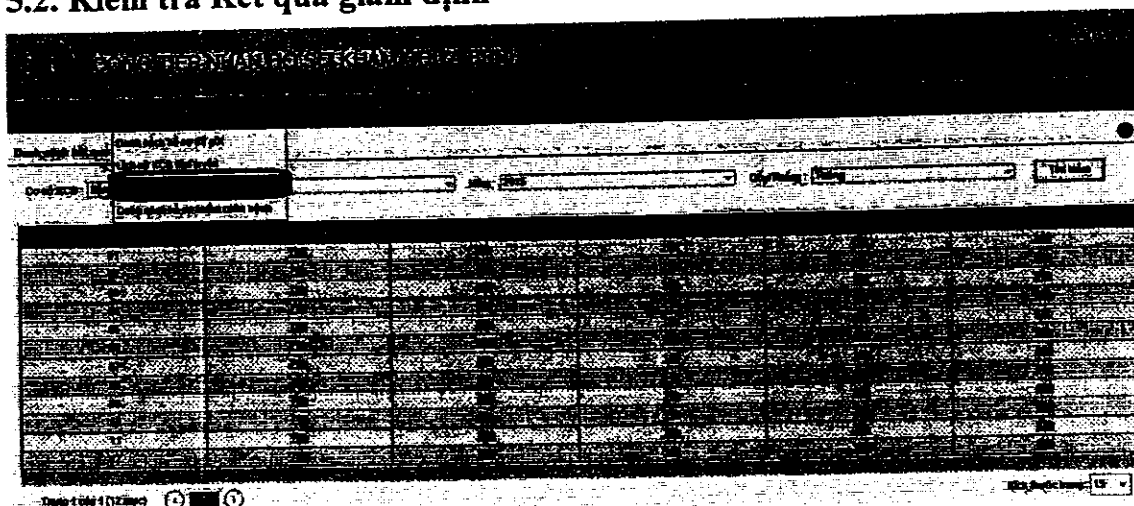
Bước 1: Lựa chọn chức năng “Kiểm tra lịch sử khám chữa bệnh”

Bước 2: Nhập mã thẻ

Bước 3: Chọn thông tin lịch sử khám chữa bệnh

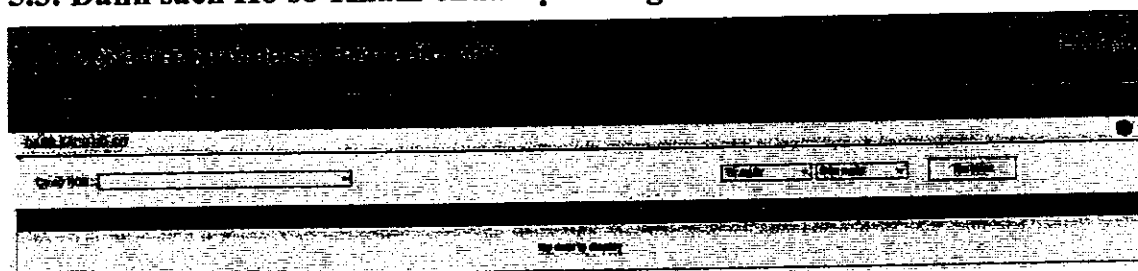
Bước 4: Hiển thị thông tin

5.2. Kiểm tra Kết quả giám định



- Bước 1: Chọn mục “Kết quả giám định”
- Bước 2: Nhập Cơ sở khám chữa bệnh
- Bước 3: Chọn năm/ Loại kỳ giám định (Tháng/Quý)
- Bước 4: Tải về các file kết quả giám định

5.3. Danh sách Hồ sơ Khám chữa bệnh đã gửi



- Bước 1: Chọn “Danh sách hồ sơ đã gửi”
- Bước 2: Cơ sở khám chữa bệnh
- Bước 3: Chọn khoảng thời gian tìm kiếm
- Bước 4: Nhận về danh sách hồ sơ đã gửi

6. Quản lý giấy chuyển tuyến

6.1. Quản lý giấy chuyển tuyến đi

STT	Mã cơ sở khám chữa bệnh	Mã đơn vị chuyển tuyến	Mã đơn vị tiếp nhận	Số giấy chuyển tuyến	Ngày cấp
1	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000
2	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000
3	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000
4	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000
5	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000
6	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000
7	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000

Bước 1: Chọn chức năng “Giấy chuyển tuyến đi”

Bước 2: Click chuột phải để thêm giấy chuyển tuyến

Bước 3: Nhập thông tin Giấy chuyển tuyến và lưu lại

Bước 4: Gửi giấy chuyển tuyến bằng nút gửi

Bước 5: Chọn chức năng In hồ sơ khi muốn in ra bản giấy

6.2. Quản lý giấy chuyển tuyến đến

STT	Mã cơ sở khám chữa bệnh	Mã đơn vị chuyển tuyến	Mã đơn vị tiếp nhận	Số giấy chuyển tuyến	Ngày cấp
1	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000
2	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000
3	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000
4	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000
5	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000
6	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000
7	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000	0000000000

Bước 1: Chọn chức năng “Giấy chuyển tuyến đi”

Bước 2: Nhập mã cơ sở khám chữa bệnh, thời hạn tìm kiếm

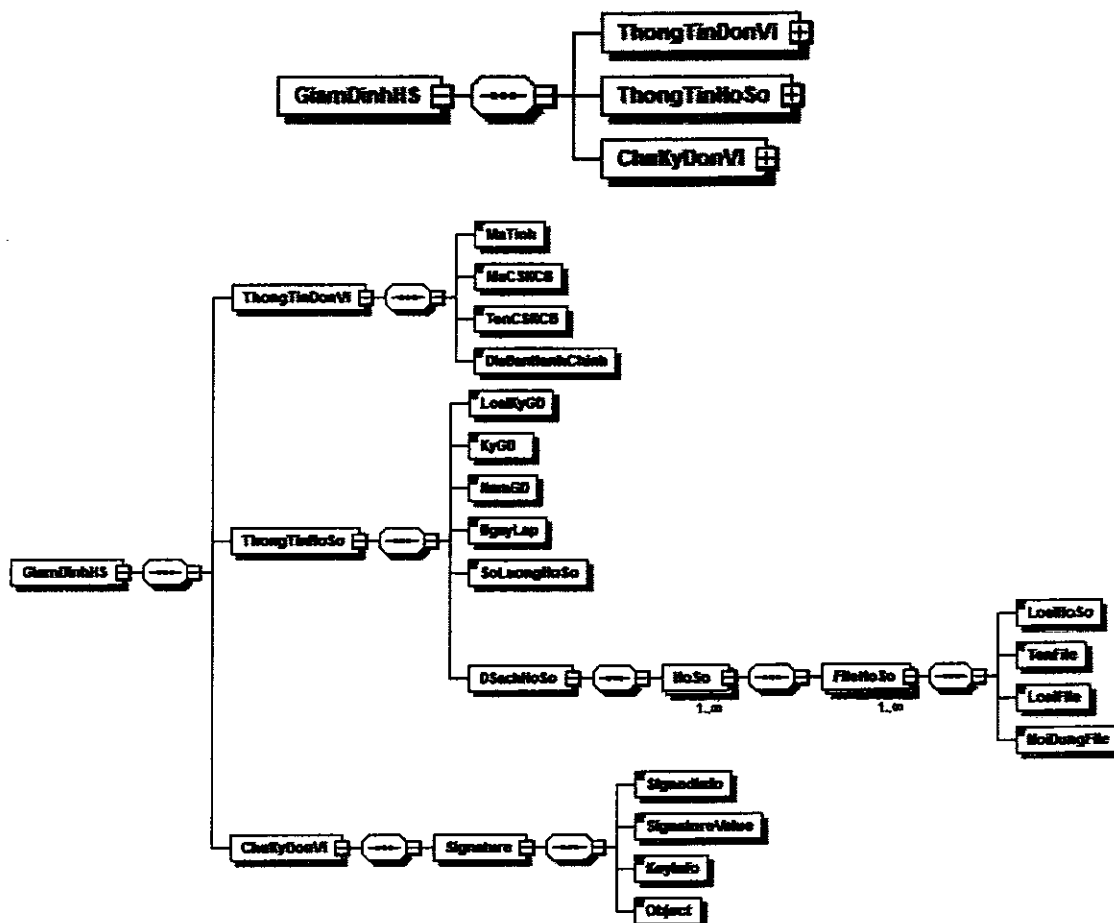
Bước 3: Nhận thông tin Giấy chuyển tuyến trả về

Bước 4: Chọn chức năng In hồ sơ khi muốn in ra bản giấy

III. Chuẩn dữ liệu

1. Hồ sơ khám chữa bệnh

Phần này mô tả các chuẩn XML dành cho việc đóng gói dữ liệu hồ sơ thanh toán BHYT. Để liên thông được với hệ thống tiếp nhận theo 02 hình thức tại mục II các cơ sở khám chữa bệnh BHYT phải đảm bảo kết xuất dữ liệu theo đúng chuẩn.



1.1. Quy ước biểu diễn dữ liệu và đặt namespace

Dữ liệu được đặt bên trong một thẻ XML (hay element theo thuật ngữ XML 1.1). Một thẻ chứa dữ liệu bên trong nó thì không chứa thẻ con nào khác và được gọi là thẻ đơn. Thẻ phức là thẻ chỉ chứa các thẻ con và không có dữ liệu. Trong một tài liệu XML chứa dữ liệu trao đổi với hệ thống, chỉ có các thẻ đơn hoặc/và thẻ phức (Chuẩn dữ liệu: Unicode UTF8)

Nếu thẻ rỗng (không chứa dữ liệu hoặc không có thẻ con nào), nó có thể được lược bỏ khỏi tài liệu.

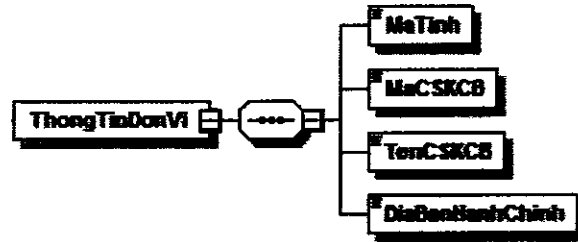
1.2. Thông tin đơn vị

Hệ thống sẽ phục vụ giám định cho 2 loại đơn vị:

- Bảo hiểm xã hội tỉnh: Gửi hồ sơ giám định danh mục thuốc, VTYT, DVKT

- CSKCB: Gửi hồ sơ giám định danh mục thuốc, VTYT, DVKT của CSKCB và hồ sơ khám chữa bệnh.

Nội dung bên trong thẻ <ThôngTinDonVi> là các thông tin cần thiết của đơn vị triển khai kết nối với hệ thống. Hình dưới đưa ra mô tả trực quan cấu trúc thẻ < ThôngTinDonVi >.

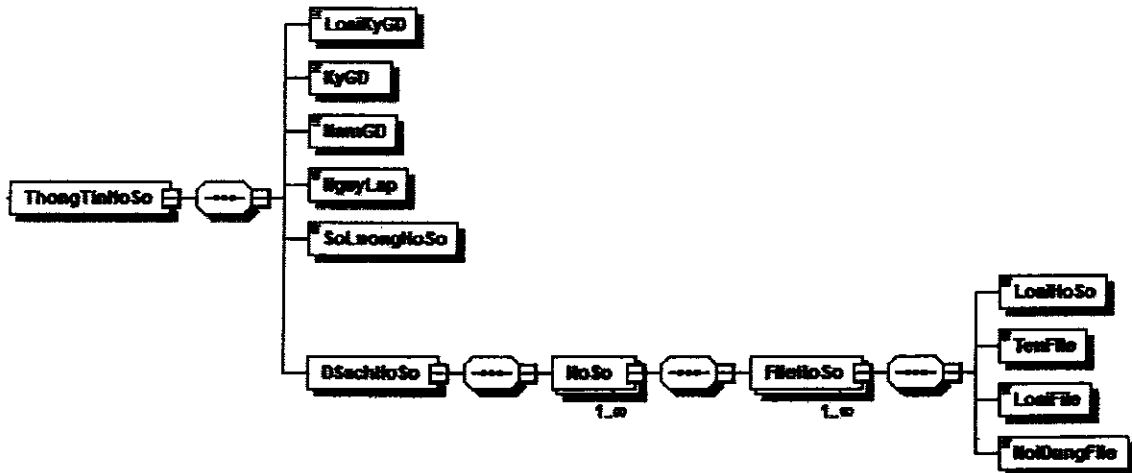


Quy ước dữ liệu:

TT	Thẻ	Dữ liệu
1	ThôngTinDonVi	Thẻ chung chứa thông tin đơn vị
2	MaTinh	Mã tỉnh, trường hợp người dùng tỉnh đẩy file hồ sơ danh mục lên hệ thống giám định. Trường hợp đơn vị đẩy lên là CSKCB thì thẻ này để trống.
3	MaCSKCB	Mã cơ sở khám chữa bệnh. Trường hợp đơn vị đẩy lên là tỉnh thì thẻ này để trống.
4	TenCSKCB	Tên cơ sở khám chữa bệnh Trường hợp đơn vị đẩy lên là tỉnh thì thẻ này để trống
5	DiaBanHanhChinh	Địa bàn hành chính.

1.3. Thông tin hồ sơ

Nội dung bên trong thẻ <ThôngTinHoSo> là các thông tin chi tiết về hồ sơ thanh toán của cơ sở KCB. Hình dưới đưa ra cấu trúc thẻ <ThôngTinHoSo>.

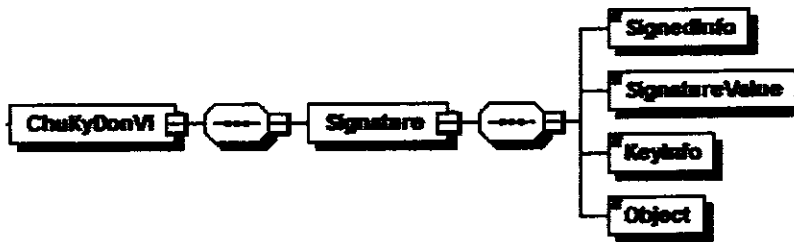


Quy ước dữ liệu:

TT	Thẻ	Dữ liệu
1	LoaiKyGD	Loại ký giám định: 1 – Ngày 2 – Tháng 3 – Quý 4 – năm
2	KyGD	Ký giám định tương ứng với loại ký Loại là ngày: Kỳ giám định để trống Loại là Tháng: Kỳ đánh từ 1 – 12 Loại là Quý: Kỳ đánh từ 1 – 4 Năm: chứa 4 số, ví dụ: 2016
3	NamGD	Năm giám định tương ứng với hồ sơ
4	NgayLap	Ngày lập hồ sơ: yyyy/mm/dd hh:mm:ss
5	SoLuongHoSo	Số lượng hồ sơ chứa trong file
6	DSachHoSo	Tổng hợp các hồ sơ gửi lên

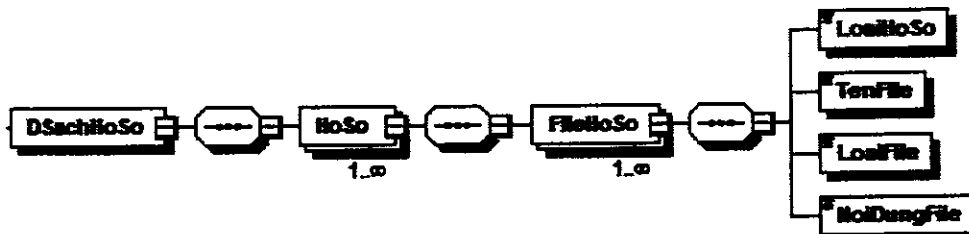
1.4. Thông tin chữ ký điện tử

Nội dung bên trong thẻ <ChuKyDonVi> gồm một thẻ <Signature> là các thông tin về chữ ký điện tử của cơ sở khám chữa bệnh triển khai kết nối với hệ thống. Hình dưới đưa ra cấu trúc thẻ < ChuKyDonVi >.



TT	Thẻ	Dữ liệu
1	ChuKyDonVi	Thẻ chứa chữ ký đơn vị gửi hồ sơ Thời điểm hiện tại chưa ứng dụng chữ ký số có thể để trống giá trị
2	Signature	Trường chữ ký sẽ được sinh tự động khi sử dụng

1.5. Mô tả các file hồ sơ



Danh sách hồ sơ có thể gồm nhiều Hồ sơ và mỗi Hồ sơ có thể gồm nhiều File Hồ sơ.

TT	Thẻ	Dữ liệu
1	HoSo	Đóng gói hồ sơ
2	FileHoSo	Các File hồ sơ nằm trong bộ hồ sơ
3	LoaiHoSo	<p>Loại hồ sơ</p> <p>XML1: File tổng hợp thông tin KCB theo CV 9324</p> <p>XML2: File chi tiết thuốc theo CV 9324</p> <p>XML3: File chi tiết dịch vụ theo CV 9324</p> <p>XML4: File chi tiết diễn biến theo CV 9324</p> <p>XML5: File cận lâm sàng theo CV 9324</p> <p>DMT_THUOC: Danh mục thuốc thầu ở tỉnh, các trường định dạng theo mục IV.7</p> <p>DMT_VTYT: Danh mục VTYT thầu ở tỉnh, các trường định dạng theo mục IV.8</p> <p>DMT_DVKT: Danh mục DVKT thầu ở tỉnh, các trường định dạng theo mục IV.9</p> <p>DMC_THUOC: Danh mục Thuốc sử dụng tại CSKCB, các trường định dạng theo mục IV.10</p> <p>DMC_VTYT: Danh mục VTYT sử dụng tại CSKCB, các trường định dạng theo mục IV.11</p> <p>DMC_DVKT: Danh mục DVKT sử dụng tại CSKCB, các trường định dạng theo mục IV.12</p>
4	TenFile	<p>Tên file hồ sơ, được đặt theo định dạng: “Loại hồ sơ”+ “_” + “Mã tỉnh/Mã CSKCB” + “_” + “Thời gian (long)”.</p> <p>Loại hồ sơ:</p> <p>Danh mục tỉnh: DMT</p> <p>Danh mục CSKCB: DMC</p> <p>Danh mục hồ sơ KCB: KCB</p>
5	LoaiFile	<p>Chỉ có 2 định dạng file là XML và EXCEL, trong đó :</p> <p>XML : dành cho định dạng file hồ sơ khám chữa bệnh</p> <p>EXCEL : dành cho định dạng các file hồ sơ danh mục của tỉnh và CSKCB.</p>
6	NoiDungFile	Dạng base64 string của file hồ sơ, được cấu trúc định dạng theo mục IV

1.6. Cấu thành file hồ sơ

TT	Thẻ	Dữ liệu
1	Danh mục thuốc tỉnh	Thẻ <HoSo> chứa file excel hồ sơ Thuốc tỉnh mô tả trong mục IV.7
2	Danh mục VTYT tỉnh	Thẻ <HoSo> chứa file excel hồ sơ VTYT tỉnh mô tả trong mục IV.8
3	Danh mục DVKT tỉnh	Thẻ <HoSo> chứa file excel hồ sơ DVKT tỉnh mô tả trong mục IV.9
4	Danh mục thuốc CSKCB	Thẻ <HoSo> chứa file excel hồ sơ Thuốc CSKCB mô tả trong mục IV.10
5	Danh mục VTYT CSKCB	Thẻ <HoSo> chứa file excel hồ sơ VTYT CSKCB mô tả trong mục IV.11

6	Danh mục DVKT CSKCB	Thẻ <HoSo> chứa file excel hồ sơ DVKT CSKCB mô tả trong mục IV.12
7	Hồ sơ KCB của CSKCB	Thẻ <HoSo> chứa 5 file XML được mô tả trong mục IV.2 – IV.6

2. Hồ sơ báo cáo tổng hợp 79a, 80a

Xây dựng file excel có các cột tương ứng với mô tả trong phần IV.13

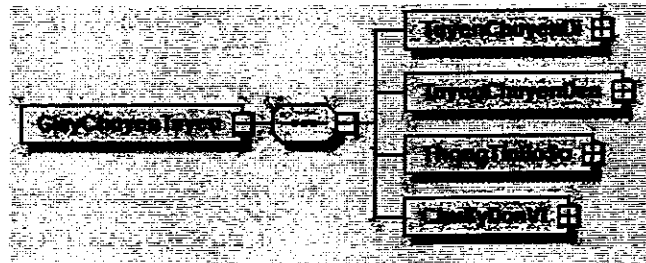
3. Hồ sơ báo cáo tổng hợp mẫu 19/BHYT, 20/BHYT, 21/BHYT

Xây dựng file excel có các cột tương ứng với mô tả trong phần IV.14, 15, 16

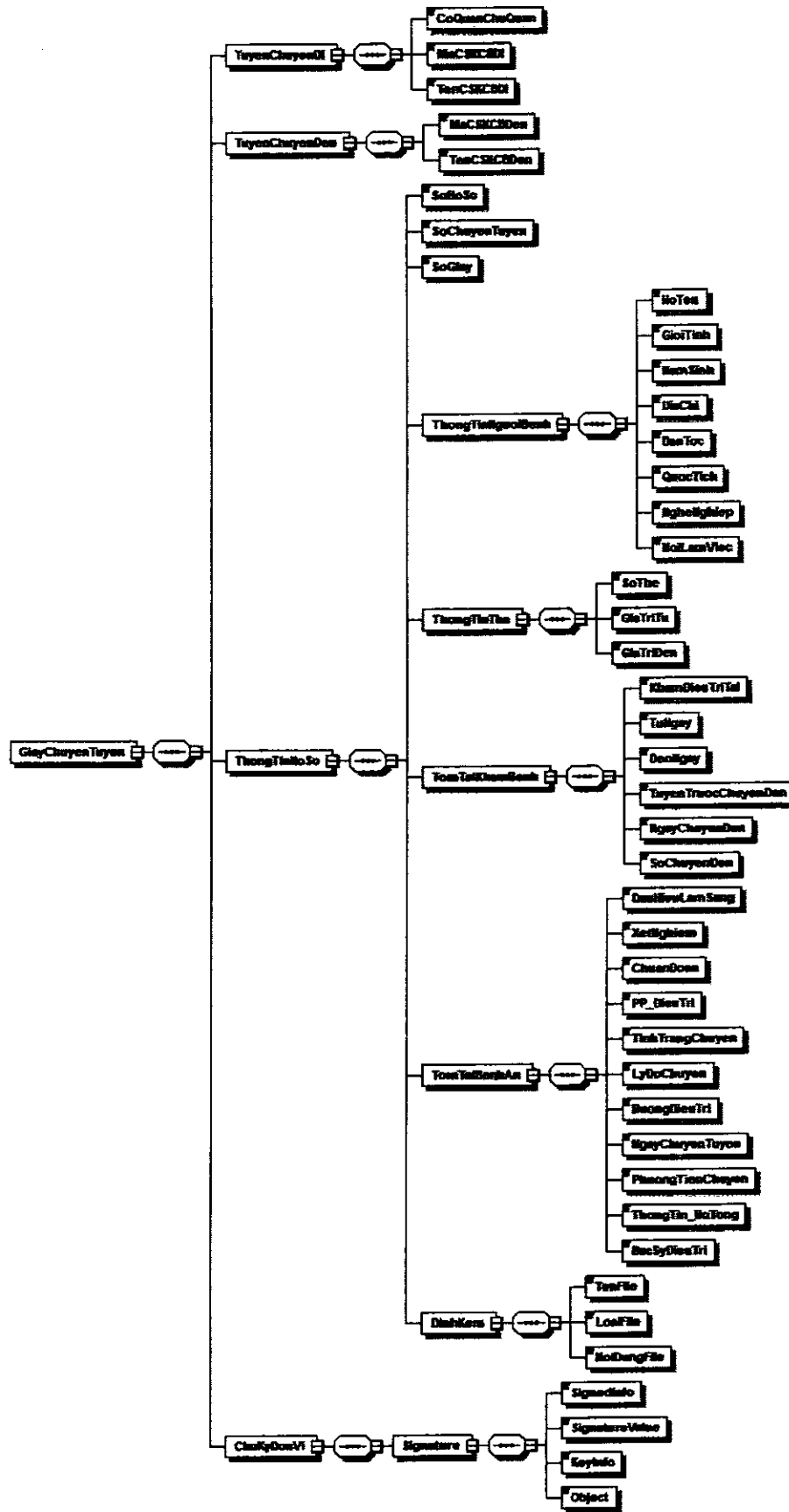
4. Giấy chuyển tuyến

4.1. Mô tả các thẻ tổng hợp chính

Phần này mô tả các chuẩn XML dành cho việc đóng gói dữ liệu chuyển tuyến phục vụ thông tuyến giữa các CSKCB. Để thực hiện được hình thức này, các CSKCB cần đảm bảo kết xuất dữ liệu đúng chuẩn như sau:

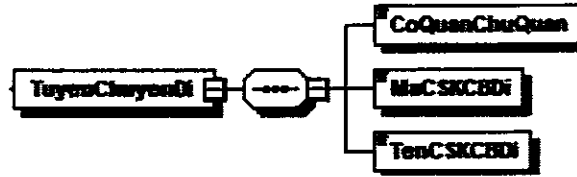


Cụ thể:

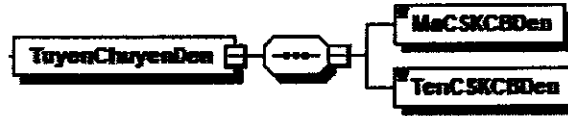


Trong đó có các thẻ thông tin chính bao gồm:

Cơ sở khám chữa bệnh gửi yêu cầu chuyển bệnh nhân:



Cơ sở khám chữa bệnh tiếp nhận yêu cầu chuyển bệnh nhân:



File XML tổng hợp thông tin giấy chuyển tuyến mẫu:

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<GiayChuyenTuyen>
  <TuyenChuyenDi>
    <CoQuanChuQuan>...</CoQuanChuQuan>
    <MaCSKCBDi>...</MaCSKCBDi>
    <TenCSKCBDi>...</TenCSKCBDi>
  </TuyenChuyenDi>
  <TuyenChuyenDen>
    <MaCSKCBDen>...</MaCSKCBDen>
    <TenCSKCBDen>...</TenCSKCBDen>
  </TuyenChuyenDen>
  <ThongTinHoSo>
    <SoHoSo>...</SoHoSo>
    <SoChuyenTuyen>...</SoChuyenTuyen>
    <SoGiay>...</SoGiay>
    <ThongTinNguoiBenh>...</ThongTinNguoiBenh>
    <ThongTinThe>...</ThongTinThe>
    <TomTatKhamBenh>...</TomTatKhamBenh>
    <TomTatBenhAn>...</TomTatBenhAn>
    <DinhKem>...</DinhKem>
  </ThongTinHoSo>
  <ChuKyDonVi>
    <Signature>...</Signature>
  </ChuKyDonVi>
</GiayChuyenTuyen>
```

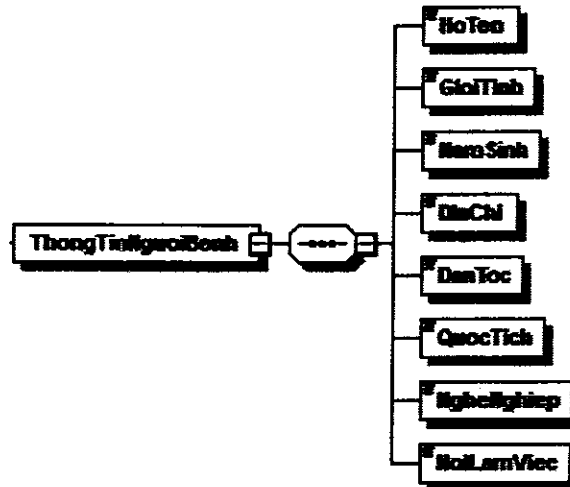
Mô tả chi tiết:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Diễn giải
1	GiayChuyenTuyen			Thẻ tổng, bao quát toàn bộ file
2	TuyenChuyenDi			Thẻ chứa tuyến chuyển đi
3	CoQuanChuQuan	Chuỗi	15	Mã cơ quan chủ quản
4	MaCSKCBDi	Chuỗi	15	Mã CSKCB chuyển đi
5	TenCSKCBDi	Chuỗi		Tên CSKCB chuyển đi
6	TuyenChuyenDen			Thẻ chứa tuyến chuyển đến

7	MaCSKCBDen	Chuỗi	15	Mã CSKCB chuyển đến
8	TenCSKCBDen	Chuỗi		Tên CSKCB chuyển đến
9	ThongTinHoSo			Thẻ thông tin hồ sơ
10	SoHoSo	Chuỗi		Số hồ sơ lưu trữ
11	SoChuyenTuyen	Chuỗi		Số chuyển tuyến CSKCB lưu trữ
12	SoGiay	Chuỗi		Số giấy do CSKCB lưu trữ
13	ThongTinNguoiBenh			Thẻ thông tin người bệnh
14	ThongTinThe			Thẻ thông tin thẻ BHYT
15	TomTatKhamBenh			Thẻ Tóm tắt thời gian địa điểm KCB
16	TomTatBenhAn			Thẻ Tóm tắt quá trình KCB
17	DinhKem			Thẻ chứa File cứng đính kèm của giấy chuyển tuyến
18	ChuKyDonVi			Thẻ chứa Chữ ký điện tử đơn vị
19	Signature			Thẻ chứa Nội dung chữ ký

4.2. Thông tin người bệnh

Đây là thông tin của người bệnh được gửi đi, để xác minh với các giấy tờ tùy thân khác



File XML mẫu:

```

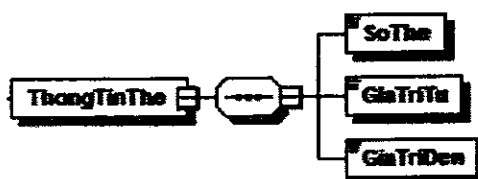
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<ThongTinNguoiBenh>
  <HoTen>...</HoTen>
  <GioiTinh>...</GioiTinh>
  <NamSinh>...</NamSinh>
  <DiaChi>...</DiaChi>
  <DanToc>...</DanToc>
  <QuocTich>...</QuocTich>
  <Nghenghiep>...</Nghenghiep>
  <NoiLamViec>...</NoiLamViec>
</ThongTinNguoiBenh>
  
```

Mô tả chi tiết

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Diễn giải
1	ThongTinNguoiBenh			Thẻ chứa thông tin người bệnh
2	HoTen	Chuỗi		Họ tên người bệnh
3	GioiTinh	Số	1	Giới tính; Mã hóa (1 : Nam; 2 : Nữ)
4	NamSinh	Chuỗi	8	Ngày sinh ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
5	DiaChi	Chuỗi		Địa chỉ ghi trên thẻ BHYT, trẻ em không có thẻ ghi địa chỉ (xã, huyện, tỉnh) trên giấy tờ thay thế
6	DanToc			Dân tộc
7	QuocTich	Chuỗi		Quốc tịch
8	NghềNghiep	Chuỗi		Nghề nghiệp
9	NoiLamViec			Nơi làm việc

4.3. Thông tin thẻ bảo hiểm y tế

Mô tả thông tin thẻ BHYT tương ứng với bệnh nhân khi chuyển tuyến



File XML mẫu:

```

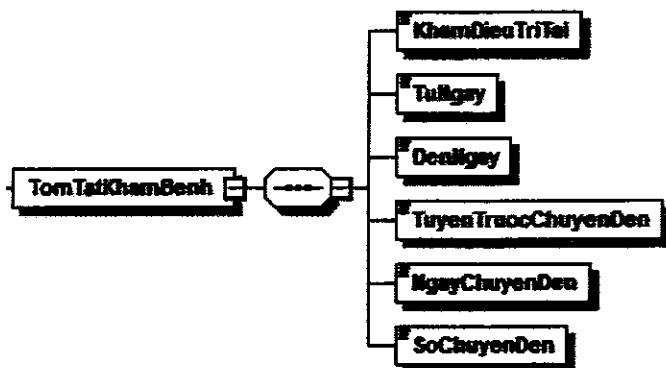
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<ThongTinThe>
  <SoThe>...</SoThe>
  <GiaTriTu>...</GiaTriTu>
  <GiaTriDen>...</GiaTriDen>
</ThongTinThe>
  
```

Mô tả chi tiết:

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Diễn giải
1	ThongTinThe			Thẻ chứa thông tin thẻ người bệnh
2	SoThe	Chuỗi		Số thẻ BHYT
3	GiaTriTu	Chuỗi	8	Giá trị hiệu tự từ ngày, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
4	GiaTriDen	Chuỗi	8	Giá trị hiệu tự đến ngày, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)

4.4. Tóm tắt lịch sử khám chữa bệnh

Đây là thẻ tổng kết lại các thông tin khám chữa bệnh tại CSKCB trước khi chuyển đi.



File XML mẫu

```

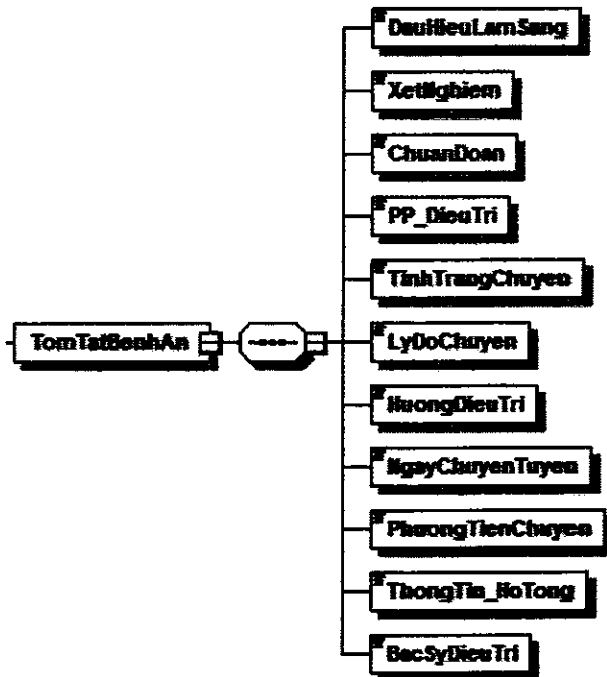
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<TomTatKhamBenh>
  <KhamDieuTriTai>...</KhamDieuTriTai>
  <TuNgay>...</TuNgay>
  <DenNgay>...</DenNgay>
  <TuyenTruocChuyenDen>...</TuyenTruocChuyenDen>
  <NgayChuyenDen>...</NgayChuyenDen>
  <SoChuyenDen>...</SoChuyenDen>
</TomTatKhamBenh>
  
```

Mô tả chi tiết

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Diễn giải
1	TomTatKhamBenh			Thẻ chứa thông tin khám bệnh
2	KhamDieuTriTai	Chuỗi		Tên cơ sở khám chữa bệnh
3	TuNgay	Chuỗi	8	Giá trị hiệu tự từ ngày, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
4	DenNgay	Chuỗi	8	Giá trị hiệu tự đến ngày, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
5	TuyenTruocChuyenDen			Tên tuyến trước khi chuyển đến
6	NgayChuyenDen	Chuỗi	8	Ngày chuyển đến, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
7	SoChuyenDen	Chuỗi		Số giấy chuyển đến

4.5. Tóm tắt bệnh án

Đây là thẻ mô tả bệnh án và quá trình chuẩn đoán điều trị tại CSKCB trước khi chuyển tuyến khác.



File XML mẫu

```

<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<TomTatBenhAn>
  <DauHieuLamSang>...</DauHieuLamSang>
  <XetNghiem>...</XetNghiem>
  <ChuanDoan>...</ChuanDoan>
  <PP_DieuTri>...</PP_DieuTri>
  <TinhTrangChuyen>...</TinhTrangChuyen>
  <LyDoChuyen>...</LyDoChuyen>
  <HuongDieuTri>...</HuongDieuTri>
  <NgayChuyenTuyen>...</NgayChuyenTuyen>
  <PhuongTienChuyen>...</PhuongTienChuyen>
  <ThongTin_HoTong>...</ThongTin_HoTong>
  <BacSyDieuTri>...</BacSyDieuTri>
</TomTatBenhAn>
  
```

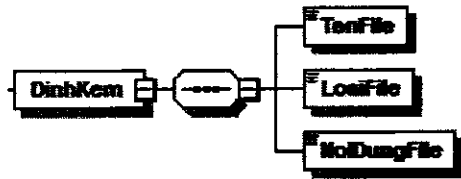
Mô tả chi tiết

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Diễn giải
1	TomTatBenhAn			Thẻ tóm tắt bệnh án
2	DauHieuLamSang	Chuỗi		Dấu hiệu lâm sàng
3	XetNghiem	Chuỗi		Kết quả xét nghiệm
4	ChuanDoan	Chuỗi		Kết quả chuẩn đoán
5	PP_DieuTri	Chuỗi		Phương pháp điều trị
6	TinhTrangChuyen	Chuỗi		Tình trạng trước khi chuyển

7	LyDoChuyen	Chuỗi		Lý do chuyển
8	HuongDieuTri	Chuỗi		Hướng điều trị
9	NgayChuyenTuyen	Chuỗi	8	Ngày chuyển tuyến, ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
10	PhuongTienChuyen	Chuỗi		Phương tuyến chuyển
11	ThongTin_HoTong	Chuỗi		Thông tin người hộ tống
12	BacSyDieuTri	Chuỗi		Bác sỹ điều trị

4.6. File đính kèm

File đính kèm là file gốc có chữ ký bác sỹ và đồng ý của người có trách nhiệm tại CSKCB trước khi chuyển tuyến



File XML mẫu

```

<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<DinhKem>
  <TenFile>...</TenFile>
  <LoaiFile>...</LoaiFile>
  <NoiDungFile>...</NoiDungFile>
</DinhKem>
  
```

Mô tả chi tiết

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước	Diễn giải
1	DinhKem			Thẻ chứa thông tin file đính kèm
2	TenFile	Chuỗi		Tên file đính kèm
3	LoaiFile	Chuỗi		Loại file: PDF, JPG
4	NoiDungFile	Chuỗi		String base64 của nội dung file

IV. Mô tả định dạng các file đính kèm hồ sơ

1. File tổng quát chứa thông tin hồ sơ KCB

Cấu trúc file XML

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<GiamDinhHS>
  <ThongTinDonVi>
    <MaTinh>...</MaTinh>
    <MaCSKCB>...</MaCSKCB>
    <TenCSKCB>...</TenCSKCB>
    <DiaBanHanhChinh>...</DiaBanHanhChinh>
  </ThongTinDonVi>
  <ThongTinHoSo>
    <LoaiKyGD>...</LoaiKyGD>
    <KyGD>...</KyGD>
    <NamGD>...</NamGD>
    <NgayLap>...</NgayLap>
    <SoLuongHoSo>...</SoLuongHoSo>
    <DanhSachHoSo>
      <HoSo>
        <FileHoSo>
          <LoaiHoSo>...</LoaiHoSo>
          <TenFile>...</TenFile>
          <LoaiFile>...</LoaiFile>
          <NoiDungFile>...</NoiDungFile>
        </FileHoSo>
      </HoSo>
    </DanhSachHoSo>
  </ThongTinHoSo>
  <ChuKyDonVi>
    <Signature>
      <SignedInfo>...</SignedInfo>
      <SignatureValue>...</SignatureValue>
      <KeyInfo>...</KeyInfo>
      <Object>...</Object>
    </Key>
  </Signature>
</ChuKyDonVi>
</GiamDinhHS>
```

Mô tả chi tiết

TT	Chi tiêu	Diễn giải
1	GiamDinhHS	Thẻ tổng, bao quát toàn bộ hồ sơ
2	ThongTinDonVi	Thông tin đơn vị
3	MaTinh	Mã tỉnh, trường hợp gửi hồ sơ danh mục tỉnh
4	MaCSKCB	Mã cơ sở khám chữa bệnh, trường hợp cơ sở khám chữa bệnh

		gửi hồ sơ
5	DiaBanHanhChinh	Mã địa bàn hành chính
6	ThongTinHoSo	Thẻ tổng bao thông tin hồ sơ
7	LoaiKyGD	Loại kỳ giám định: 1-ngày, 2 – tháng, 3 – quý, 4 - năm
8	KyGD	Kỳ giám định
9	NamGD	Năm giám định
10	NgayLap	Ngày lập hồ sơ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày
11	SoLuongHoSo	Số lượng hồ sơ
12	DanhSachHoSo	Thẻ bao danh sách các hồ sơ KCB
13	HoSo	Thẻ bao 1 hồ sơ, một danh sách hồ sơ có nhiều hồ sơ
14	FileHoSo	Thẻ bao hồ sơ, 1 hồ sơ có thể có nhiều file hồ sơ
15	LoaiHoSo	Loại hồ sơ: XML1, XML2, XML3, XML4, XML5
16	TenFile	Tên file hồ sơ
17	LoaiFile	Loại file
18	NoiDungFile	File hồ sơ: dạng base 64 của file
19	ChuKyDonVi	
20	Signature	Chữ ký điện tử

2. File hồ sơ tổng hợp thông tin bệnh nhân (XML1)

Cấu trúc file XML:

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8" ?>
<tonghop>
  <MA_LK>...</MA_LK>
  <STT>...</STT>
  <MA_BN>...</MA_BN>
  <HO_TEN>...</HO_TEN>
  <NGAY_SINH>...</NGAY_SINH>
  <GIOI_TINH>...</GIOI_TINH>
  <DIA_CHI>...</DIA_CHI>
  <MA_THE>...</MA_THE>
  <MA_DKBD>...</MA_DKBD>
  <GT_THE_TU>...</GT_THE_TU>
  <GT_THE_DEN>...</GT_THE_DEN>
  <TEN_BENH>...</TEN_BENH>
  <MA_BENH>...</MA_BENH>
  <MA_BENHKHAC>...</MA_BENHKHAC>
  <MA_LYDO_VVIEN>...</MA_LYDO_VVIEN>
  <MA_NOI_CHUYEN>...</MA_NOI_CHUYEN>
  <MA_TAI_NAN>...</MA_TAI_NAN>
  <NGAY_VAO>...</NGAY_VAO>
  <NGAY_RA>...</NGAY_RA>
  <SO_NGAY_DTRI>...</SO_NGAY_DTRI>
```

<KET_QUA_DTRI>...</KET_QUA_DTRI>
 <TINGH_TRANG_RV>...</TINGH_TRANG_RV>
 <NGAY_TTOAN>...</NGAY_TTOAN>
 <MUC_HUONG>...</MUC_HUONG>
 <T_THUOC>...</T_THUOC>
 <T_VTYT>...</T_VTYT>
 <T_TONGCHI>...</T_TONGCHI>
 <T_BNTT>...</T_BNTT>
 <T_BHTT>...</T_BHTT>
 <T_NGUONKHAC>...</T_NGUONKHAC>
 <T_NGOAIDS>...</T_NGOAIDS>
 <NAM_QT>...</NAM_QT>
 <THANG_QT>...</THANG_QT>
 <MA_LOAI_KCB>...</MA_LOAI_KCB>
 <MA_KHOA>...</MA_KHOA>
 <MA_CSKCB>...</MA_CSKCB>
 <MA_KHUVUC>...</MA_KHUVUC>
 <MA_PTTT_QT>...</MA_PTTT_QT>
 <CAN_NANG>...</CAN_NANG>

</tonghop>

Mô tả chi tiết:

TT	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	ma_lk	Chuỗi		Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (bảng 1) và các bảng chi tiết (bảng 2 đến bảng 5) trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh (PRIMARY KEY)).
2	stt	Số	6	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
3	ma_bn	Chuỗi	15	Mã số bệnh nhân quy định tại CSKCB
4	ho_ten	Chuỗi		Họ và tên người bệnh
5	ngay_sinh	Chuỗi	8	Ngày sinh ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
6	gioi_tinh	Số	1	Giới tính; Mã hóa (1 : Nam; 2 : Nữ)
7	dia_chi	Chuỗi		Địa chỉ ghi trên thẻ BHYT, trẻ em không có thẻ ghi địa chỉ (xã, huyện, tỉnh) trên giấy tờ thay thế
8	ma_the	Chuỗi	15	<p>Mã thẻ BHYT do cơ quan BHXH cấp (trường hợp chưa có thẻ nhưng vẫn được hưởng quyền lợi BHYT, VD: trẻ em, người ghép tạng,...thì mã theo nguyên tắc: mã đối tượng + mã tỉnh + mã huyện + 000 + số thứ tự đối tượng không có thẻ đến khám trong năm.</p> <p>VD: TE1+xx (mã tỉnh)+yy (mã huyện)+000+ zzzz (số thứ tự trẻ dưới 6 tuổi không có thẻ đến khám trong năm)</p>

9	ma_dkbd	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB nơi người bệnh đăng ký ban đầu ghi trên thẻ BHYT
10	gt_the_tu	Chuỗi	8	Thời điểm thẻ có giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày
11	gt_the_den	Chuỗi	8	Thời điểm thẻ hết giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày
12	ten_benh	Chuỗi		Ghi đầy đủ chẩn đoán khi ra viện
13	ma_benh	Chuỗi	5	Mã bệnh chính theo ICD 10
14	ma_benhkhac	Chuỗi		Mã bệnh kèm theo theo ICD 10, có nhiều mã ICD được phân cách bằng ký tự chấm phẩy (;)
15	ma_lydo_vvien	Số	1	Mã hóa đối tượng đến khám BHYT (1 : Đúng tuyến; 2 : Cấp cứu; 3 : Trái tuyến)
16	ma_noi_chuyen	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB chuyển người bệnh đến (mã do cơ quan BHXH cấp)
17	ma_tai_nan	Số	1	Tai nạn thương tích; Mã hóa tham chiếu bảng 8 (Bảng tai nạn thương tích)
18	ngay_vao	Chuỗi	12	Ngày giờ đến khám hoặc nhập viện gồm: 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520
19	ngay_ra	Chuỗi	12	Ngày giờ ra viện gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. Ví dụ: ngày 05/04/2015 09:20 được hiển thị là: 201504050920
20	so_ngay_dtri	Số	3	Số ngày điều trị thực tế
21	ket_qua_dtri	Số	1	Kết quả điều trị; Mã hóa (1: Khỏi; 2: Đờ; 3: Không thay đổi; 4: Nặng hơn; 5: Tử vong)
22	tinh_trang_rv	Số	1	Tình trạng ra viện; Mã hóa (1: Ra viện; 2: Chuyển viện; 3: Trốn viện; 4: Xin ra viện)
23	ngay_ttoan	Chuỗi	12	Ngày giờ thanh toán gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút
24	muc_huong	Số	3	Ghi mức hưởng tương ứng với quyền lợi được hưởng của người bệnh (trường hợp đúng tuyến ghi 80 hoặc 95 hoặc 100, trái tuyến ghi mức hưởng * tỷ lệ hưởng tùy theo hạng bệnh viện)
25	t_thuoc	Số	15	Tổng tiền thuốc đã làm tròn số đến đơn vị đồng
26	t_vtyt	Số	15	Tổng tiền vật tư y tế đã làm tròn số đến đơn vị đồng
27	t_tongchi	Số	15	Tổng chi phí trong lần/đợt điều trị
28	t_bntt	Số	15	Số tiền người bệnh thanh toán (bao gồm phần cùng trả và tự trả), định dạng số

29	t_bhht	Số	15	Số tiền đề nghị BHXH thanh toán
30	t_nguonkhac	Số	15	Số tiền người bệnh được các nguồn tài chính khác hỗ trợ
31	t_ngoaidis	Số	15	Chi phí ngoài định suất
32	nam_qt	Số	4	Năm đề nghị BHXH thanh toán
33	thang_qt	Số	2	Tháng đề nghị BHXH thanh toán
34	ma_loai_kcb	Số	1	Mã hóa hình thức KCB (1: Khám bệnh; 2: Điều trị ngoại trú; 3: Điều trị nội trú)
35	ma_khoa	Chuỗi	3	Nếu bệnh nhân điều trị ở nhiều khoa thì ghi mã khoa tổng kết hồ sơ bệnh án
36	ma_csccb	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB nơi điều trị (Mã do cơ quan BHXH cấp)
37	ma_khuvuc	Chuỗi	2	Ghi mã nơi sinh sống trên thẻ "K1/K2/K3"
38	ma_pttt_qt	Chuỗi		Mã phẫu thuật thủ thuật Quốc tế theo ICD 9 CM Vol 3 cho phẫu thuật thủ thuật (Triển khai sau khi Bộ Y tế ban hành bảng tham chiếu và có văn bản chỉ đạo. Nếu có nhiều PTTT thì mỗi mã cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;)
39	can_nang	Số	5	Chỉ thu thập với các bệnh nhân là trẻ em dưới 1 tuổi.
				Là số kilogam (kg) cân nặng của trẻ em khi vào viện
				Số thập phân, dấu thập phân là dấu phẩy (,)
				Ghi đến 2 chữ số sau dấu thập phân (vd: 5,75 là 5,75 kg)

3. File hồ sơ chi tiết Thuốc (XML2)

Cấu trúc file XML:

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<DSACH_CHI_TIET_THUOC>
  <CHI_TIET_THUOC>
    <MA_LK>...</MA_LK>
    <STT>...</STT>
    <MA_THUOC>...</MA_THUOC>
    <MA_NHOM>...</MA_NHOM>
    <TEN_THUOC>...</TEN_THUOC>
    <DON_VI_TINH>...</DON_VI_TINH>
    <HAM_LUONG>...</HAM_LUONG>
    <DUONG_DUNG>...</DUONG_DUNG>
    <LIEU_DUNG>...</LIEU_DUNG>
    <SO_DANG_KY>...</SO_DANG_KY>
    <SO_LUONG>...</SO_LUONG>
    <DON_GIA>...</DON_GIA>
    <TYLE_TT>...</TYLE_TT>
```

```

<THANH_TIEN>...</THANH_TIEN>
<MA_KHOA>...</MA_KHOA>
<MA_BAC_SI>...</MA_BAC_SI>
<MA_BENH>...</MA_BENH>
<NGAY_YL>...</NGAY_YL>
<MA_PTTT>...</MA_PTTT>
</CHI_TIET_THUOC>
</DSACH_CHI_TIET_THUOC>

```

Mô tả chi tiết:

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	ma_lk	Chuỗi		Mã đợt điều trị duy nhất (Dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (Bảng 1) và bảng này trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh).
2	stt	Số		Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
3	ma_thuoc	Chuỗi		Mã thuốc theo mã quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế
4	ma_nhom	Chuỗi	4	Dùng để phân loại, sắp xếp các chi phí vào các mục tương ứng tham chiếu phụ lục Bảng 6
5	ten_thuoc	Chuỗi		Tên thuốc ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố
6	don_vi_tinh	Chuỗi	50	Đơn vị tính ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố
7	ham_luong	Chuỗi		Hàm lượng ghi đúng theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố
8	duong_dung	Chuỗi		Đường dùng ghi theo mã quy định tại bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế
9	lieu_dung	Chuỗi		Liều dùng trong ngày
10	so_dang_ky	Chuỗi		Số đăng ký của thuốc theo danh mục thuốc đăng ký Cục QLD công bố
11	so_luong	Số	5	Số lượng thực tế sử dụng làm tròn đến 2 chữ số thập phân
12	don_gia	Số	15	Đơn giá thanh toán BHYT làm tròn đến đơn vị đồng
13	tyle_tt	Số	3	Tỷ lệ thanh toán BHYT đối với thuốc có quy định tỷ lệ (%); Số nguyên dương
14	thanh_tien	Số	15	= so_luong * don_gia * tyle_tt hoặc số tiền đề nghị cơ quan BHXH thanh toán (làm tròn đến đơn vị đồng)
15	ma_khoa	Chuỗi	3	Mã khoa bệnh nhân được chỉ định sử dụng thuốc (tham chiếu phụ lục Bảng 7)

16	ma_bac_si	Chuỗi		Mã hóa theo số chứng chỉ hành nghề của người chỉ định
17	ma_benh	Chuỗi		Mã bệnh chính; nếu có các bệnh khác kèm theo ghi các mã bệnh tương ứng, cách nhau bằng dấu chấm phẩy (;)
18	ngay_yl	Chuỗi	12	Ngày ra y lệnh (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyymmddHH:mm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520
19	ma_pttt	Số	1	Mã phương thức thanh toán (0 : Phí dịch vụ; 1 : định suất; 2 : ngoài định suất; 3 : DRG)

4. File hồ sơ chi tiết DVKT (XML3)

Cấu trúc file XML:

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<DSACH_CHI_TIET_DVKT>
  <CHI_TIET_DVKT>
    <MA_LK>...</MA_LK>
    <STT>...</STT>
    <MA_DICH_VU>...</MA_DICH_VU>
    <MA_VAT_TU>...</MA_VAT_TU>
    <MA_NHOM>...</MA_NHOM>
    <TEN_DICH_VU>...</TEN_DICH_VU>
    <DON_VI_TINH>...</DON_VI_TINH>
    <SO_LUONG>...</SO_LUONG>
    <DON_GIA>...</DON_GIA>
    <TYLE_TT>...</TYLE_TT>
    <THANH_TIEN>...</THANH_TIEN>
    <MA_KHOA>...</MA_KHOA>
    <MA_BAC_SI>...</MA_BAC_SI>
    <MA_BENH>...</MA_BENH>
    <NGAY_YL>...</NGAY_YL>
    <NGAY_KQ>...</NGAY_KQ>
    <MA_PTTT>...</MA_PTTT>
  </CHI_TIET_DVKT>
</DSACH_CHI_TIET_DVKT>
```

Mô tả chi tiết:

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	ma_lk	Chuỗi		Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (Bảng 1) và bảng này

				trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh).
2	stt	Số		Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
3	ma_dich_vu	Chuỗi		Mã dịch vụ quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế
4	ma_vat_tu	Chuỗi		Mã vật tư sử dụng quy định tại Bộ mã danh mục dùng chung của Bộ Y tế, chỉ ghi các vật tư chưa có trong cơ cấu giá dịch vụ
5	ma_nhom	Chuỗi	4	Dùng để phân loại, sắp xếp các chi phí vào các mục tương ứng tham chiếu phụ lục Bảng 6
6	ten_dich_vu	Chuỗi		Tên dịch vụ
7	don_vi_tinh	Chuỗi	50	Đơn vị tính
8	so_luong	Số	5	Số lượng thực tế sử dụng làm tròn đến 2 chữ số thập phân
9	don_gia	Số	15	Đơn giá thanh toán BHYT làm tròn đến đơn vị đồng
10	tyle_tt	Số	3	Tỷ lệ thanh toán BHYT đối với dịch vụ kỹ thuật, vật tư y tế có quy định (tỷ lệ %; Số nguyên dương)
11	thanh_tien	Số	15	= so_luong * don_gia * tyle_tt hoặc số tiền đề nghị cơ quan BHXH thanh toán (làm tròn đến đơn vị đồng)
12	ma_khoa	Chuỗi	3	Mã khoa nơi phát sinh dịch vụ (tham chiếu phụ lục Bảng 7)
13	ma_bac_si	Chuỗi		Bác sỹ khám và chỉ định (mã hóa theo số giấy phép hành nghề)
14	ma_benh	Chuỗi	18	Mã bệnh chính (theo ICD 10) được bác sỹ chẩn đoán, nếu có các bệnh khác kèm theo ghi các mã bệnh tương ứng, cách nhau bằng dấu chấm phẩy (;)
15	ngay_yl	Chuỗi	12	Ngày ra y lệnh (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520
16	ngay_kq	Chuỗi	12	Ngày có kết quả (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520
17	ma_pttt	Số	1	Mã phương thức thanh toán (0 : Phí dịch vụ; 1 : định suất; 2 : ngoài định suất; 3 : DRG)

5. File hồ sơ cận lâm sàng (XML4)

Cấu trúc file XML:

```

<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<DSACH_CHI_TIET_CLS>
  <CHI_TIET_CLS>
    <MA_LK>...</MA_LK>
    <STT>...</STT>
    <MA_DICH_VU>...</MA_DICH_VU>
    <MA_CHI_SO>...</MA_CHI_SO>
    <TEN_CHI_SO>...</TEN_CHI_SO>
    <GIA_TRI>...</GIA_TRI>
    <MA_MAY>...</MA_MAY>
    <MO_TA>...</MO_TA>
    <KET_LUAN>...</KET_LUAN>
    <NGAY_KQ>...</NGAY_KQ>
  </CHI_TIET_CLS>
</DSACH_CHI_TIET_CLS>

```

Mô tả chi tiết:

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	ma_lk	Chuỗi	15	Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (Bảng 1) và bảng này trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh).
2	stt	Số	3	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
3	ma_dich_vu	Chuỗi	15	Mã dịch vụ kỹ thuật CLS
4	ma_chi_so	Chuỗi		Mã chi số xét nghiệm
5	ten_chi_so	Chuỗi		Tên chi số xét nghiệm
6	gia_tri	Chuỗi		Giá trị chi số (kết quả xét nghiệm)
7	ma_may	Chuỗi		Mã danh mục máy CLS (máy XN, máy XQ, siêu âm...)
8	mo_ta	Chuỗi		Mô tả do người đọc kết quả ghi
9	ket_luan	Chuỗi		Kết luận của người đọc kết quả
10	ngay_kq	Chuỗi	12	Ngày có kết quả (gồm 12 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520

6. File hồ sơ chi tiết diễn biến (XML5)

Cấu trúc file XML :

```

<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<DSACH_CHI_TIET_DIEN_BIEN_BENH>
  <CHI_TIET_DIEN_BIEN_BENH>
    <MA_LK>...</MA_LK>
    <STT>...</STT>
    <DIEN_BIEN>...</DIEN_BIEN>
  </CHI_TIET_DIEN_BIEN_BENH>
</DSACH_CHI_TIET_DIEN_BIEN_BENH>

```

<HOI_CHAN>...</HOI_CHAN>
 <PHAU_THUAT>...</PHAU_THUAT>
 <NGAY_YL>...</NGAY_YL>
 </CHI_TIET_DIEN_BIEN_BENH>
 </DSACH_CHI_TIET_DIEN_BIEN_BENH>

Mô tả chi tiết:

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	ma_lk	Chuỗi	15	Mã đợt điều trị duy nhất (dùng để liên kết giữa bảng tổng hợp (Bảng 1) và bảng này trong 1 lần khám bệnh, chữa bệnh).
2	stt	Số	3	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
3	dien_bien	Chuỗi		Ghi diễn biến bệnh trong lần khám
4	hoi_chan	Chuỗi		Ghi kết quả hội chẩn (nếu có)
5	phau_thuat	Chuỗi		Mô tả cách thức phẫu thuật
6	ngay_yl	Chuỗi	12	Ngày ra y lệnh (gồm 13 ký tự, theo cấu trúc: yyyyymmddHHmm = 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút) Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị là: 201503311520

7. File hồ sơ danh mục thuốc tỉnh gửi

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Tên trường	Định dạng (Độ dài)	Thông tin
1	stt	Numeric (6)	Số thứ tự thuốc trúng thầu từ 1 đến hết
2	ma_thuoc	Text	Mã thuốc theo QĐ 2182
3	hoat_chat	Text	Tên hoạt chất
4	duong_dung	Text	Đường dung
5	ham_luong	Text	Hàm lượng
6	ten_thuoc	Text	Tên thuốc
7	so_dang_ky	Text	Số đăng ký/giấy phép nhập khẩu
8	nha_sx	Text	Nhà sản xuất
9	nuoc_sx	Text	Nước sản xuất
10	dong_goi	Text	Đóng gói
11	don_vi_tinh	Text	Đơn vị tính nhỏ nhất
12	so_luong	Numeric (10,2)	Số lượng trúng thầu
13	don_gia	Numeric	Đơn giá trúng thầu
14	thanhtien	Numeric	Thành tiền
15	nha_thau	Text	Nhà trúng thầu
16	quyet_dinh	Text	Quyết định trúng thầu
17	cong_bo	Date	Ngày ra quyết định
18	tieu_chuan	Text	Tiêu chuẩn

19	goi	Text	Gói
20	nhom	Text	Nhóm
21	han_dung	Numeric (2)	Hạn dung

8. File hồ sơ danh mục VTYT tỉnh gửi

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Tên trường	Định dạng (Độ dài)	Thông tin
1	stt	Numeric (6)	Số thứ tự VTYT phê duyệt
2	ma_vtyt	Text	Mã VTYT do BYT ban hành
3	ten_vtyt	Text	Tên VTYT
4	quy_cach	Text	Quy cách
5	nuoc_sx	Text	Nước sản xuất
6	hang_sx	Text	Hãng sản xuất
7	don_vi_tinh	Text	Đơn vị tính

9. File hồ sơ danh mục DVKT tỉnh gửi

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Tên trường	Định dạng (Độ dài)	Thông tin
1	stt	Numeric (6)	Số thứ tự DVKT phê duyệt
2	ma_dvkt	Text	Mã DVKT theo QĐ 2182/BYT
3	ten_dvkt	Text	Tên DVKT
4	gia_tt	Text	Giá tối đa DVKT theo QĐ 2182/BYT
5	don_gia	Numeric (8)	Giá thanh toán BHYT

10. File hồ sơ danh mục thuốc CSKCB gửi

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Tên trường	Định dạng (Độ dài)	Thông tin
1	stt	Numeric (6)	Số thứ tự thuốc trúng thầu từ 1 đến hết
2	ma_thuoc	Text	Mã thuốc theo QĐ 2182
3	hoat_chat	Text	Tên hoạt chất
4	duong_dung	Text	Đường dung
5	ham_luong	Text	Hàm lượng
6	ten_thuoc	Text	Tên thuốc
7	so_dang_ky	Text	Số đăng ký/giấy phép nhập khẩu
8	dong_goi	Text	Nhà sản xuất
9	don_vi_tinh	Text	Nước sản xuất
10	don_gia	Numeric	Đơn giá trúng thầu
11	so_luong	Numeric (10,2)	Số lượng trúng thầu

11. File hồ sơ danh mục VTYT CSKCB gửi

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Tên trường	Định dạng (Độ dài)	Thông tin
1	stt	Numeric (6)	Số thứ tự VTYT phê duyệt
2	ma_vtyt	Text	Mã VTYT do BHYT ban hành
3	ten_vtyt	Text	Tên VTYT
4	quy_cach	Text	Quy cách
5	nuoc_sx	Text	Nước sản xuất
6	hang_sx	Text	Hãng sản xuất
7	don_vi_tinh	Text	Đơn vị tính
8	gia_thau	Numeric (10,2)	Giá trúng thầu

12. File hồ sơ danh mục DVKT CSKCB gửi

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Tên trường	Định dạng (Độ dài)	Thông tin
1	stt	Numeric (6)	Số thứ tự DVKT phê duyệt
2	ma_dvkt	Text	Mã DVKT theo QĐ 2182/BYT
3	ten_dvkt	Text	Tên DVKT
4	ma_0304	Text	Mã DVKT theo QĐ 2182/BYT
5	gia_dvkt	Numeric (8)	Giá thanh toán BHYT
6	khoa	Text	Khoa thực hiện dịch vụ
7	ma_khoa	Numeric (10,2)	Mã khoa BHYT ban hành

13. File hồ sơ 79a, 80a

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Ghi chú
A	B	C	D	E
1	stt	Số	6	Số thứ tự bệnh nhân từ 1 đến hết
2	ma_bn	Chuỗi	15	Mã BN quy định tại CSKCB
3	ho_ten	Chuỗi	255	Họ tên người bệnh viết bằng chữ thường
4	ngay_sinh	Chuỗi	8	Ngày sinh ghi trên thẻ bao gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (Nếu không có ngày sinh thì ghi năm sinh: 4 ký tự)
5	gioi_tinh	Số	1	Giới tính: mã hóa bằng 1 chữ số (Nam=1, nữ=2)
6	dia_chi	Chuỗi	255	Địa chỉ trên thẻ BHYT, đối với trẻ em không có thẻ ghi đầy đủ địa chỉ trên giấy tờ thay thế (Tối thiểu phải có địa chỉ về xã,

				huyện, tỉnh của trẻ)
7	ma_the	Chuỗi	15	Mã thẻ BHYT do cơ quan BHXH cấp, không thay đổi, không thêm bớt các ký tự.
8	ma_dkbd	Chuỗi	6	Mã cơ sở KCB ban đầu, ghi đúng 5 ký tự trên thẻ BHYT
9	gt_the_tu	Chuỗi	8	Thời điểm thẻ có giá trị gồm 8 ký tự, 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày. Ví dụ: ngày 30/04/2015 được hiển thị là 20150430
10	gt_the_den	Chuỗi	8	Thời điểm thẻ có giá trị gồm 8 ký tự, 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày. Ví dụ: ngày 30/04/2015 được hiển thị là 20150430
11	ma_benh	Chuỗi	5	Mã bệnh chính được mã hóa theo ICD X
12	ma_benhkhac	Chuỗi	30	Mã bệnh khác mã hóa theo ICD 10, nếu có nhiều mã ICD thì mỗi mã được phân cách bằng ký tự ";"
13	ma_lydo_vvien	Chuỗi	1	Mã hóa lý do đến khám bệnh: 1 = đúng tuyến; 2 = cấp cứu; 3 = trái tuyến
14	ma_noi_chuyen	Chuỗi	1	Mã cơ sở KCB chuyển người bệnh đến (Mã do cơ quan BHXH cấp)
15	ngay_vao	Chuỗi	12	Thời gian đến khám hoặc nhập viện theo ngày giờ; gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. Ví dụ: ngày 30/06/2015 08:20 được hiển thị là 201506300820
16	ngay_ra	Chuỗi	12	Thời gian đến khám hoặc nhập viện theo ngày giờ; gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. Ví dụ: ngày 30/06/2015 08:20 được hiển thị là 201506300820
17	so_ngay_dtri	Số	3	Số ngày điều trị trong đợt KCB ngoại trú hoặc nằm viện nội trú (=ngày ra - ngày vào). Trường hợp điều trị nội trú nhưng có một số ngày không nằm viện thì tính theo ngày nằm viện thực tế
18	ket_qua_dtri	Số	1	Kết quả điều trị: Mã hóa (1: Khỏi; 2: Đỡ; 3: Không thay đổi; 4: Nặng hơn; 5: Tử vong)
19	tinh_trang_rv	Số	1	Tình trạng ra viện: Mã hóa (1: Ra viện; 2: Chuyển viện; 3: Trốn viện; 4: Xin ra viện)
20	t_tongchi	Số	15	Tổng chi phí KCB BHYT trong lần/Đợt điều trị
21	t_xn	Số	15	Tiền xét nghiệm
22	t_cdha	Số	15	Tiền chuẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng
23	t_thuoc	Số	15	Tiền thuốc và dịch truyền
24	t_mau	Số	15	Tiền máu và chế phẩm máu
25	t_pttt	Số	15	Tiền phẫu thuật và thủ thuật
26	t_vtyt	Số	15	Tiền vật tư y tế

27	t_dvkt_tyle	Số	15	Tiền dịch vụ kỹ thuật thanh toán theo tỷ lệ
28	t_thuoc_tyle	Số	15	Tiền thuốc thanh toán theo tỷ lệ
29	t_vtyt_tyle	Số	15	Tiền vật tư y tế thanh toán theo tỷ lệ
30	t_kham	Số	15	Tiền công khám bệnh ngoại trú hoặc tiền giường nội trú
31	t_vchuyen	Số	15	Tiền vận chuyển
32	t_bnnt	Số	15	Số tiền người bệnh thanh toán (Ghi số tiền người bệnh chi trả bao gồm cùng chi trả, tự trả khi khám bệnh, chữa bệnh không đúng tuyến, số tiền tự chi trả đối với các dịch vụ y tế áp dụng tỉ lệ thanh toán)
33	t_bhnt	Số	15	Tiền đề nghị cơ quan BHXH thanh toán (Gồm cả chi phí ngoài định suất).
34	t_ngoaids	Số	15	Tiền thanh toán ngoài định suất (không bao gồm tiền BN cùng chi trả)
35	ma_khoa	Chuỗi	30	Ghi mã khoa theo quy định tại bảng 7 Quyết định số 2348/BYT-BH ngày 10/04/2015 của Bộ Y Tế
36	nam_qt	Số	4	Năm đề nghị BHXH thanh toán
37	thang_qt	Số	2	Tháng đề nghị BHXH thanh toán
38	ma_khuvuc	Chuỗi	2	Ghi mã nơi sinh sống trên thẻ BHYT "K1/K2/K3" (Nếu có)
39	ma_loaikcb	Chuỗi	5	Mã hóa hình thức KCB: (1: khám bệnh; 2: điều trị ngoại trú; 3: điều trị nội trú)
40	ma_csccb	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB nơi điều trị: Ghi đúng 5 ký tự mã cơ sở KCB do BHXH VN cung cấp
41	noi_ttoan	Chuỗi	5	Mã hóa nơi thanh toán: (1: thanh toán tại cơ sở KCB; 2: thanh toán trực tiếp)
42	giam_dinh	Số	1	Mã hóa kết quả giám định (không thăm định:0; thăm định, chấp nhận: 1; điều chỉnh: 2; xuất toán: 3)
43	t_xuattoan	Số	15	Ghi số tiền cơ sở KCB thống kê thanh toán sai quy định (kể cả phần người bệnh cũng trả và đề nghị BHXH thanh toán)
44	lydo_xt	Số	50	Ghi lý do từ chối thanh toán
45	T_datuyen	Số	15	Số tiền đã thanh toán đa tuyến đến tương ứng với tỷ lệ phân bổ
46	T_vuotran	Số	15	Số tiền vượt trần chưa thanh toán

14. File hồ sơ 19/BHYT

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Ghi chú
A	B	C	D	E
1	stt	Số	6	Số thứ tự bệnh nhân từ 1 đến hết
2	ma_vtyt	Chuỗi	15	Mã VTYT theo danh mục BHYT ban hành

3	ten_vtyt	Chuỗi	255	Tên VTYT theo danh mục BHYT ban hành
4	ten_thuongmai	Chuỗi	255	Tên thương mại
5	quy_cach	Chuỗi	255	Quy cách
6	don_vi	Chuỗi	15	Đơn vị tính
7	gia_mua	Số	15	Đơn giá CSKCB mua
8	sl_noitru	Số	15	Số lượng sử dụng cho bệnh nhân nội trú
9	sl ngoaitru	Số	15	Số lượng sử dụng cho bệnh nhân ngoại trú
10	gia_thanhtoan	Số	15	Giá thanh toán của bệnh nhân
11	thanh_tien	Số	15	Tổng tiền tương ứng với số lượng

15. File hồ sơ 20/BHYT

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Ghi chú
A	B	C	D	E
1	stt	Số	6	Số thứ tự bệnh nhân từ 1 đến hết
2	stt_byt	Chuỗi	15	Số thứ tự theo DMDC của BHYT
3	ten_hoachat	Chuỗi	255	Tên hoạt chất
4	ten_thuoc	Chuỗi	255	Tên VTYT theo danh mục BHYT ban hành
5	duong_dung	Chuỗi	15	Đường dùng
6	ham_luong	Chuỗi	255	Tên thương mại
7	so_dky	Chuỗi	15	Số đăng ký
8	don_vi	Chuỗi	15	Đơn vị tính
9	sl_noitru	Số	15	Số lượng sử dụng cho bệnh nhân nội trú
10	sl ngoaitru	Số	15	Số lượng sử dụng cho bệnh nhân ngoại trú
11	don_gia	Số	15	Giá thanh toán của bệnh nhân
12	thanh_tien	Số	15	Tổng tiền tương ứng với số lượng

16. File hồ sơ 21/BHYT

Định dạng excel, chi tiết các cột như sau:

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Ghi chú
A	B	C	D	E
1	stt	Số	6	Số thứ tự bệnh nhân từ 1 đến hết
2	Ma_dvkt	Chuỗi	15	Mã dịch vụ kỹ thuật theo DMDC của BHYT
3	ten_dvkt	Chuỗi	255	Tên dịch vụ kỹ thuật
4	sl_noitru	Số	15	Số lượng sử dụng cho bệnh nhân nội trú
5	sl ngoaitru	Số	15	Số lượng sử dụng cho bệnh nhân ngoại trú
6	don_gia	Số	15	Giá thanh toán của bệnh nhân
7	thanh_tien	Số	15	Tổng tiền tương ứng với số lượng

Phụ lục 1: Danh mục hồ sơ

STT	Danh mục	Tên hồ sơ
1	GDDM-01	Giám định danh mục thuốc tỉnh
2	GDDM-02	Giám định danh mục VTYT tỉnh
3	GDDM-03	Giám định danh mục DVKT tỉnh
4	GDDM-04	Giám định danh mục thuốc CSKCB
5	GDDM-05	Giám định danh mục VTYT CSKCB
6	GDDM-06	Giám định danh mục DVKT CSKCB
7	GDHS-01	Giám định hồ sơ khám chữa bệnh của CSKCB
8	BCHS_79a	Hồ sơ báo cáo tổng hợp hàng tháng của ngoại trú
9	BCHS_80a	Hồ sơ báo cáo tổng hợp hàng tháng của nội trú
10	BCHS_19	Hồ sơ báo cáo tổng hợp của vật tư y tế
11	BCHS_20	Hồ sơ báo cáo tổng hợp của thuốc
12	BCHS_21	Hồ sơ báo cáo tổng hợp của DVKT
13	GLT	Giấy liên tuyến

Phụ lục 2: Danh mục lỗi

STT	Mã lỗi	Nội dung lỗi
1	GWGDBHYT-201	Định dạng xml không đúng
2	GWGDBHYT-202	Nội dung XML không đúng
3	GWGDBHYT-204	File XML không có nội dung
4	GWGDBHYT-401	Lỗi xác thực
5	GWGDBHYT-408	Request TimeOut
6	GWGDBHYT-500	Lỗi server

Phụ lục 3: Code mẫu cho Webservice

1. Ví dụ lấy phiên làm việc

```

client.BaseAddress = new Uri("http://egw.baohiemcahoi.gov.vn/");
client.DefaultRequestHeaders.Accept.Clear();
client.DefaultRequestHeaders.Accept.Add(new MediaTypeWithQualityHeaderValue("application/json"));
string username = "test";
string password = "25D55AD2B3AA400AF464C76D713C07AD";
// HTTP POST
ApiToken input = new ApiToken { username = username, password = password };
var values = new Dictionary<string, string>
{
    { "username", username },
    { "password", password }
};
var content = new FormUrlEncodedContent(values);
HttpResponseMessage response = client.PostAsync("api/token/take", content).Result;

```

2. Ví dụ gửi hồ sơ giám định

```

clientPush.BaseAddress = new Uri("http://egw.baohiemcahoi.gov.vn/");
clientPush.DefaultRequestHeaders.Accept.Clear();
clientPush.DefaultRequestHeaders.Accept.Add(new MediaTypeWithQualityHeaderValue("application/json"));
FileInfo f = new FileInfo(@"test023.xml");
byte[] buffer = null;
using (FileStream fs = f.OpenRead())
{
    using (var memoryStream = new MemoryStream())
    {
        fs.CopyTo(memoryStream);
        buffer = memoryStream.ToArray();
    }
}
clientPush.MaxResponseContentBufferSize = 2000005000;
// HTTP POST
string data2 = string.Format("token={0}&id_token={1}&username={2}&password={3}&loaiHoSo={4}&amTinh={5}&amCSKCB={6}",
    key.access_token, key.id_token, username, password, loaiHoSo, amTinh, amCSKCB);
HttpResponseMessage response2 = clientPush.PostAsJsonAsync("api/egw/guiHoSoGiámĐịnh?"
    + data2, buffer).Result;

```

3. Ví dụ gửi hồ sơ tổng hợp báo cáo tháng

Tương tự với việc gửi hồ sơ giám định

4. Ví dụ kiểm tra thông tin thẻ

```

clientPush.BaseAddress = new Uri("http://egw.baohiemcahoi.gov.vn/");
clientPush.DefaultRequestHeaders.Accept.Clear();
clientPush.DefaultRequestHeaders.Accept.Add(new MediaTypeWithQualityHeaderValue("application/json"));
string data2 = string.Format("token={0}&id_token={1}&username={2}&password={3}",
    key.access_token, key.id_token, username, password);
HttpResponseMessage response2 = clientPush.PostAsJsonAsync("api/egw/ktHathe?" + data2, "6").Result;

```

Phụ lục 4: Mô tả đối tượng trả về của Web Service**Đối tượng lịch sử KCB của bệnh nhân**

TT	Chi tiêu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	stt	Số	6	Từ 1 đến hết trong 1 lần gửi dữ liệu
2	ma_bn	Chuỗi	15	Mã số bệnh nhân quy định tại CSKCB
3	ho_ten	Chuỗi		Họ và tên người bệnh
4	ngay_sinh	Chuỗi	8	Ngày sinh ghi trên thẻ gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày (nếu không có ngày sinh thì năm sinh: 4 ký tự)
5	gioi_tinh	Số	1	Giới tính; Mã hóa (1 : Nam; 2 : Nữ)
6	dia_chi	Chuỗi		Địa chỉ ghi trên thẻ BHYT, trẻ em không có thẻ ghi địa chỉ (xã, huyện, tỉnh) trên giấy tờ thay thế
7	ma_the	Chuỗi	15	Mã thẻ BHYT do cơ quan BHXH cấp (trường hợp chưa có thẻ nhưng vẫn được hưởng quyền lợi BHYT, VD: trẻ em, người ghép tạng,...thì mã theo nguyên tắc: mã đối tượng + mã tỉnh + mã huyện + 000 + số thứ tự đối tượng không có thẻ đến khám trong năm. VD: TE1+xx (mã tỉnh)+yy (mã huyện)+000+ zzzz (số thứ tự trẻ dưới 6 tuổi không có thẻ đến khám trong năm)
8	ma_dkbd	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB nơi người bệnh đăng ký ban đầu ghi trên thẻ BHYT
9	gt_the_tu	Chuỗi	8	Thời điểm thẻ có giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày
10	gt_the_den	Chuỗi	8	Thời điểm thẻ hết giá trị gồm 8 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày
11	ten_benh	Chuỗi		Ghi đầy đủ chẩn đoán khi ra viện
12	ma_benh	Chuỗi	5	Mã bệnh chính theo ICD 10
13	ma_benhkhac	Chuỗi		Mã bệnh kèm theo theo ICD 10, có nhiều mã ICD được phân cách bằng ký tự chấm phẩy (;)
14	ma_lydo_vvien	Số	1	Mã hóa đối tượng đến khám BHYT (1 : Đúng tuyến; 2 : Cấp cứu; 3 : Trái tuyến)
15	ma_noi_chuyen	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB chuyển người bệnh đến (mã do cơ quan BHXH cấp)
16	ma_tai_nan	Số	1	Tai nạn thương tích; Mã hóa tham chiếu bảng 8 (Bảng tai nạn thương tích)
17	ngay_vao	Chuỗi	12	Ngày giờ đến khám hoặc nhập viện gồm: 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút Ví dụ: ngày 31/03/2015 15:20 được hiển thị

				là: 201503311520
18	ngay_ra	Chuỗi	12	Ngày giờ ra viện gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút. Ví dụ: ngày 05/04/2015 09:20 được hiển thị là: 201504050920
19	so_ngay_dtri	Số	3	Số ngày điều trị thực tế
20	ket_qua_dtri	Số	1	Kết quả điều trị; Mã hóa (1: Khỏi; 2: Đỡ; 3: Không thay đổi; 4: Nặng hơn; 5: Từ vong)
21	tinh_trang_rv	Số	1	Tình trạng ra viện; Mã hóa (1: Ra viện; 2: Chuyển viện; 3: Trốn viện; 4: Xin ra viện)
22	ngay_ttoan	Chuỗi	12	Ngày giờ thanh toán gồm 12 ký tự; 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (24 giờ) + 2 ký tự phút
23	muc_huong	Số	3	Ghi mức hưởng tương ứng với quyền lợi được hưởng của người bệnh (trường hợp đúng tuyến ghi 80 hoặc 95 hoặc 100, trái tuyến ghi mức hưởng * tỷ lệ hưởng tùy theo hạng bệnh viện)
24	t_thuoc	Số	15	Tổng tiền thuốc đã làm tròn số đến đơn vị đồng
25	t_vtyt	Số	15	Tổng tiền vật tư y tế đã làm tròn số đến đơn vị đồng
26	t_tongchi	Số	15	Tổng chi phí trong lần/đợt điều trị
27	t_bntt	Số	15	Số tiền người bệnh thanh toán (bao gồm phần cùng trả và tự trả), định dạng số
28	t_bhnt	Số	15	Số tiền đề nghị BHXH thanh toán
29	t_nguonkhac	Số	15	Số tiền người bệnh được các nguồn tài chính khác hỗ trợ
30	t_ngoaidis	Số	15	Chi phí ngoài định suất
31	nam_qt	Số	4	Năm đề nghị BHXH thanh toán
32	thang_qt	Số	2	Tháng đề nghị BHXH thanh toán
33	ma_loai_kcb	Số	1	Mã hóa hình thức KCB (1: Khám bệnh; 2: Điều trị ngoại trú; 3: Điều trị nội trú)
34	ma_khoa	Chuỗi	3	Nếu bệnh nhân điều trị ở nhiều khoa thì ghi mã khoa tổng kết hồ sơ bệnh án
35	ma_cskcb	Chuỗi	5	Mã cơ sở KCB nơi điều trị (Mã do cơ quan BHXH cấp)
36	ma_khuvuc	Chuỗi	2	Ghi mã nơi sinh sống trên thẻ "K1/K2/K3"
37	ma_pttt_qt	Chuỗi		Mã phẫu thuật thủ thuật Quốc tế theo ICD 9 CM Vol 3 cho phẫu thuật thủ thuật (Triển khai sau khi Bộ Y tế ban hành bảng tham chiếu và có văn bản chỉ đạo. Nếu có nhiều PTTT thì mỗi mã cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;)
38	can_nang	Số	5	Chỉ thu thập với các bệnh nhân là trẻ em

				dưới 1 tuổi. Là số kilogam (kg) cân nặng của trẻ em khi vào viện Số thập phân, dấu thập phân là dấu phẩy (.) Ghi đến 2 chữ số sau dấu thập phân (vd: 5,75 là 5,75 kg)
39	trang_thai	Số	1	0: Chưa giám định. 1: Không giám định. 2: Chấp nhận. 3: Điều chỉnh. 4: Xuất toán
40	mieu_ta	Chuỗi		Miêu tả
41	xuat_toan	Số		Số tiền xuất toán